

CHỈ TÂM YẾU CHO NGƯỜI TU THIỀN

H.T THÍCH THANH TỬ

PHẦN 1

Hôm nay tôi giảng bài “CHỈ TÂM YẾU CHO NGƯỜI TU THIỀN” do Thiền Sư Thanh Viễn hiệu là Phật Nhãn dạy. Đây tôi nói qua đại khái để biết Ngài Xuất thân từ đâu.

Như trong sử chúng ta học, cuối quyển Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng tập II thì dòng Lâm Tế Chia làm hai nhánh.

1. Là Ngài Dương Kỳ.

2. Là Ngài Hoàng Long.

Dưới Ngài Hoàng Long có nhiều đệ tử nổi tiếng, và dưới Ngài Dương Kỳ cũng có nhiều đệ tử nổi tiếng. Do đó cả hai chi phái đều thịnh hành ở cuối đời Đường sang đời Tống (Thiền Sư Phật Nhãn là một vị ở trong đời Tống).

Dưới Ngài Dương Kỳ có hai Ngài Bạch Vân Đoan (tức Thiền sư Nghĩa Đoan ở Bạch Vân). Ở dưới Ngài Nghĩa Đoan có Ngài Pháp Nhãn ở núi Ngũ Tổ hay gọi Ngũ Tổ Diễn. Dưới Ngũ Tổ Diễn lại có ba ông, Phật Giám là anh, đến ông Phật Quả (tức là Ngài Viên Ngộ), rồi ông Phật Nhãn. Như vậy, Ngài Phật Nhãn là đệ tử của Ngài Pháp Diễn thuộc phái Thiền tông Lâm Tế, chi nhánh của Ngài Dương Kỳ. Phái thiền này, trong thời của mấy vị Phật rất là nổi tiếng. Cho nên đời Tống, chịu ảnh hưởng Thiền tông sâu đậm nhất, là do các vị Thiền sư đời Tống này.

Bài “CHỈ TÂM YẾU CHO NGƯỜI TU THIỀN” có tính cách chuyên môn, giảng cho những người đã tu Thiền và học Thiền hơi lâu. Còn người bắt đầu nghe và hoặc chưa từng nghe thấy hơi khó hiểu. Do đó nếu quý vị mới nghe mà có chùng tử Thiền tông cũng có thể lãnh hội được phần nào, còn hoàn toàn không có chùng tử thì đừng trách tôi là giảng khó nghe, vì bài nói như vậy tôi không thể nói khác được. Bởi đây, là chỉ tâm yếu cho người tu Thiền nghĩa là nếu người tu thiền nếu không ngộ được bản tâm không thấy được bản tánh thì đường tu của mình coi như còn xa, chưa vào được cửa đạo. Trái lại nếu nhận được bản tâm, thấy được bản tánh thì mới gọi là người đã vào cửa, mới có thể tiến lên con đường tu hành

không còn nghi ngờ. Do đó nên người tu Thiên nào cũng đều phải làm sao nhận được cái Tâm Yếu của chính mình. Nhận được tâm yếu đó là điều kiện then chốt để đi vào cửa Thiên. Vậy làm sao học qua bài này, quý vị thấy được cái tâm yếu của chính mình, đó là điều tối thượng mà Ngài Phật Nhân mong mỗi, và tôi hôm nay cũng ước mơ. Mong rằng tất cả quý vị nghe khéo mà nhận được.

Giờ đây bắt đầu vào trong bài. Tôi đọc từng đoạn giải thích cho quý vị nghe rõ.

“Không nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập phần hạn, nếu lập phần hạn, tức là cái rỗng không, không bờ mé bèn bị rơi kẹt. Vì thế nên người hiểu không, chẳng có tướng không. Nếu dùng ngôn ngữ diễn tả tâm cũng chẳng được tâm. Vì ngôn ngữ vốn là tâm, nên diễn tả nó vẫn chẳng được. các thứ hội đến đều không khế hội với tự tâm. Thượng cổ bảo: “Thâm khế mà thôi” nếu như nơi đây mà chưa đạt đạo thì chỉ không vọng niệm là được.”

Mở đầu quý vị thấy khó chưa?

“Không nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập phần hạn”. Ở trong chỗ rỗng không mà lập phần hạn, không bờ mé là chỗ nào? Quý vị nhớ coi chỗ nào? Chỗ nào gọi là chỗ rỗng không, không bờ mé? Vì đây là chỉ thẳng Tâm Yếu mà Tâm Yếu đó là Tâm Thể của mọi người chúng ta. Cái Tâm Thể đó không có tướng mạo, không có hình trạng. Cho nên nó không phần hạn. Bởi không có phần hạn nên nói nó là rỗng không, là rỗng rang. v.v... Vì có tướng, có hình thể rõ ràng, thì mới có chừng, có hạn, mới gọi là có. Còn nếu không có hình tướng cụ thể thì đâu gọi là có? Nhưng không mà chẳng phải không. Đó mới là cái khó khăn nhất của người tu.

Bởi khi chúng ta tìm tâm, chẳng những chúng ta là kẻ ngu muội trong thời mạt pháp, mà kể cả Ngài A Nan, là đệ tử gần với đức Phật mà Ngài vẫn còn mắc kẹt ở chỗ này.

Như trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài cứ thưa với đức Phật: “Nếu Phật nói, nó là tâm của con thì tại sao con không thấy nó? Vậy chính Ngài A Nan cũng thắc mắc như thường. Nếu nó là Tâm của mình thì mình phải thấy nó, mình phải nhận

ra được nó, thế mới phải là Tâm của mình; bằng không thấy nó, không nhận được nó, làm sao nói của mình được, phải vậy không?

Nhưng ngược lại, nếu chúng ta thấy nó, thì nó là của ai? Nếu chúng ta thấy được Tâm thì Tâm của ai?

Đó là chỗ nhiều người không hiểu nổi. Vì nghĩ rằng: Nếu tâm của mình thì mình phải thấy. Thật sự, nếu mình thấy, thì không phải Tâm của mình. Cái chỗ đó mới là lạ! Tại sao mình thấy lại không phải tâm của mình?

Ví dụ: Tôi nói con mắt của tôi, tôi thấy ở trước mặt: Nào là đồng hồ, chai dàu, ly nước và tất cả quý vị ngồi đây. v.v...

Tôi thấy tất cả quý vị và những sự vật đó. Vậy những cái đó có phải là tôi chưa? Những cái mà tôi thấy, cái đó chỉ là cái bên ngoài thôi. Còn con mắt hay thấy của tôi, chỉ thấy được sự vật bên ngoài, chứ không thể thấy được con mắt của mình. Nếu thấy được nó (mắt) là thấy cái gì khác rồi, phải vậy không?

Cho nên chúng ta mắc kẹt ở chỗ muốn tìm thấy tâm mình, và khi thấy là thấy cái gì chứ không phải thấy tâm của chính mình. Đó là điều hết sức khó khăn. Cho nên người tu phần nhiều không nhận ra được bản tâm.

Ví dụ: Bây giờ quý vị nghĩ rằng: Khi mình nổi giận mình biết, và khi mình nghĩ chuyện gì mình thấy, chứ sao nói không thấy? Thật ra, cái đó chỉ là vọng tưởng, là bóng dáng của 6 trần, cho nên mình thấy được, còn cái biết được vọng tưởng, thấy được vọng tưởng, thấy cái nóng nảy, thấy những triệu chứng bất thường nơi mình, thì cái đó có tướng mạo nào có tướng mạo gì? Vì vậy cái bị thấy không phải là thật của mình. Nhưng lâu nay mình cứ nói cái bị thấy là mình, là tâm của mình, do đó mà lầm. Tưởng đâu mình nhận ra được cái phân biệt, cái suy nghĩ, rồi cho đó chính là tâm mình. Bởi vì người ta lầm nhận: Cái suy nghĩ, cái phân biệt là tâm của mình, cho nên thấy nó có giới hạn, có chừng, có lượng, nên khi nghe Phật nói: Tâm mình nó không có bờ mé, nó rộng không, thì không ai hiểu nổi.

Ví dụ: Bây giờ tôi suy nghĩ về người, thì tâm tôi nó duyên theo cái hình ảnh người đó và như vậy nó bị giới hạn bởi cái hình ảnh đó, tức là nó có chừng, có

lượng. Nếu tôi suy nghĩ về quả núi thì tâm tôi duyên theo quả núi, nó cũng có chừng, có lượng. Cho đến, nếu suy nghĩ về biển cả thì tâm tôi duyên theo biển cả. Nhưng cái tâm mà không suy nghĩ, biết mà không suy nghĩ thì cái đó không có chừng hạn, bởi vì nó không có duyên với một tướng nào cả. Vì vậy nên nói: Nó rỗng không, không bờ mé. Do đó ai lập, có phần, có hạn đều là trật.

Vì vậy, đối với người tu thiền. Khi hỏi: “Tâm ở chỗ nào?” Câu hỏi đó nên trả lời, hay không trả lời?

Nếu hỏi chỗ nào, tức có nơi chốn, mà có nơi chốn tức có hình tướng cụ thể. Nhưng tâm nó không có hình tướng cụ thể, nó đầy khắp, mà đặt câu hỏi: Nó có nơi chốn, làm sao được? Nên trả lời thì trật.

Vì vậy, nên những Thiền sư hay gài bẫy người hỏi. Ví dụ: Bây giờ tôi hỏi: Gió ở chỗ nào? Quý vị làm ơn chỉ cho tôi coi, ở chỗ nào? Ở lá cây chăng? Mà lá cây, phải gió hay không? Dù chỉ ở đâu, cũng chỉ là phát hiện một tướng trạng nhỏ, chớ không phải toàn thể của gió. Nếu chúng ta chỉ thì không bao giờ trúng hết. Vì chỉ chỗ này thì chỗ kia là cái gì?

Do đó, cái không có tướng mạo, không bị khu biệt, mà chúng ta đặt thành tướng mạo khu biệt, đó là sai lầm! Nhưng có những câu hỏi thiền hạ thường hỏi chúng ta:

(Thầy tu cần phải ngộ tâm. Vậy tâm ở chỗ nào? Câu đó nhiều người thường hay hỏi lắm. Nhưng nếu có chỉ ra, thì chỉ cái gì? Chứ không phải chỉ tâm.

Chính Ngài A Nan vẫn còn mắc kẹt, ở 7 chỗ hỏi tâm. Đức Phật hỏi tâm ở đâu? Rồi Ngài A Nan trả lời, trả lời một hồi trật hết. Thế nên, nếu hiểu được cái tâm thể rỗng rang không bờ mé thì lúc đó chúng ta không còn mắc kẹt trong những câu hỏi như: Nó ở chỗ nào? Nó ra sao? Tướng mạo nó thế nào? v.v...

Đặt những câu hỏi đó, thì biết ngay người hỏi họ không hiểu, mà nếu mình đáp, thì mình ra sao? Cũng không hiểu luôn. Thành ra người mù hỏi, rồi người mù đáp, cả hai đều không thấy gì hết. Vậy nên người thật thấy, đối với những câu hỏi đó, không đáp. Đáp tức không thấy. Như vậy, bây giờ hỏi: Cái ghé ở chỗ nào?

Người đó ở chỗ nào? v.v... thì được. Còn hỏi tâm ở chỗ nào thì trật. Nếu có ở chỗ nào chẳng nữa thì đó là vọng tưởng, nó duyên theo cái này, cái kia thôi.

Đây tôi nhắc lại câu chuyện Ngài Quốc Sư Huệ Trung đời Đường. Có một vị Tăng Ấn Độ sang, tự xưng chứng được lục thông. Vua mời vào, để Huệ Trung thí nghiệm. Ngài Huệ Trung hỏi:

- Nghe Ông ch?ng l?c thông, du?c tha tâm thông. V?y Ông tìm xem tâm ta ? chỗ nào?

Đại Nhĩ Tam Tạng thưa:

- Ngài là vị quốc sư cả nước mà lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khi giờ?

Ngài lặng thinh giây lâu hỏi tiếp:

- Người xem ta đang ở đâu?

Đại Nhĩ Tam Tạng nói:

-Ngài là vị quốc sư cả nước mà lại ở bến tàu xem đò đưa?

Ngài lặng thinh giây lâu hỏi tiếp:

- Người xem ta đang ở đâu?

Đại Nhĩ Tam Tạng lặng câm giây lâu.

Ngài nói:

-Tha tâm thông của người ở đâu?

Đại Nhĩ Tam Tạng im lặng. Không đối đáp được, bị Ngài Quốc Sư Huệ Trung nạt:

- Dã hồ tinh! Rồi Ông lặng lẽ rút lui.

Vậy hai lần đầu, Ông nói trúng tâm Ngài Huệ Trung, lần chót lại không biết? Dẫn câu chuyện này để quý vị biết, khi chúng ta còn vọng tưởng, người có tha tâm thông sẽ nhìn thấy tâm mình

Ví dụ: Tôi đang ngồi đây, tôi tưởng tôi đang đứng ngoài biển xem người ta tắm biển, người có tha tâm thông liền thấy được cái tâm tôi ở ngoài biển.

Nhưng bây giờ, nếu tôi ngồi ở đây mà tâm tôi không động, không dấy niệm, thì đâu có ai biết đâu mà thấy. Đó là cái tâm thể, rỗng rang không tướng mạo, vì nó không có chỗ nơi. Hiểu được như vậy chúng ta mới hiểu câu đầu này: Không

nên ở nơi chỗ rỗng không, không bờ mé (rỗng không, không bờ mé chỉ cho tâm thể của chúng ta) mà lập phần hạn, tức là trong cái tâm thể đó mà lập: Có phần, có hạn, có chỗ nơi, có hình tướng đều là trật hết.

Nếu lập phần hạn, tức cái rỗng không, không bờ mé bèn bị rơi kẹt. Nếu chúng ta lập phần hạn, thì cái tâm thể đã bị rơi, bị kẹt rồi; nghĩa là không còn đúng cái tâm thể rỗng rang nữa.

“Vì thế, nên người hiểu không, chẳng có tướng không.” Câu này Ngài kết luận lại. Bởi lẽ đó cho nên người hiểu không (hiểu được cái tâm thể rỗng không của mình) thì không có tướng không. Chỗ này đa số người học đạo thường bị hiểu lầm, rồi trở lại mĩa mai người tu thiền. Họ cứ nói: “Tu thiền nói: Cái gì cũng không.” Cho nên, chính khi tôi đặt cái hiệu “Chơn Không” của tu viện rồi giảng Bát Nhã, có lắm vị nói:

Tôi nói cái gì cũng không. Nhưng thật sự người hiểu không mà chẳng có tướng không.

Ví dụ: Quý vị biết gió không có tướng mạo, nhưng nó trùm khắp, biết chắc như vậy. Nhưng thử hỏi: Hiện giờ trước mắt quý vị có gió hay không? Có hay không có? Và tướng mạo gió ra sao? Quý vị nói thử xem? Gió nó giống như cây tùng không?

Dĩ nhiên không giống. Vậy gió nó giống như cây sứ, cái nhà, quả núi không?

Tất cả câu hỏi, mình trả lời đều không. Vậy họ kết luận: “Như thế là không có gió.” Nói vốn không có gió quý vị chịu không?

Thực tế gió ở trước mắt chúng ta, bao trùm chúng ta. Cũng như không khí đang bao trùm chúng ta, và chúng ta đang sống trong không khí. Như con cá đang sống trong nước, thì làm sao nó biết nước ở chỗ nào? Chỗ nào lại không có nước.

Cũng vậy, gió bao trùm hết, nơi nào cũng có gió nhưng mà chỉ không được, đặt phần hạn không được. Hỏi gió bao lớn? Quý vị thử nói bao lớn? Bằng quả núi chăng? Cũng không được. Bằng cái gì cũng không được. Nghĩa là không thể đặt nó có hạn lượng.

Nhưng không vì vậy mà nói không có gió. Cũng như người chưa nhận ra được cái thể tròn khắp của gió, thì khi hỏi tướng mạo gió ra sao, mình nói không giống cái gì hết, rồi họ nói mình nói không.

Không như vậy là không có gió. Vậy họ nói đúng hay sai? Cũng vậy, tâm thể nó tròn khắp mà ta không thấy được tướng mạo, bởi tướng mạo nó là tướng mạo mình, mình chỉ nhận được cái diệu dụng của nó mà biết nó. Tướng nó là gì? Là không tướng.

Chớ không thể thấy được. Vì thấy được nó, là có một sự kiện, một hình thức, một tướng mạo rồi.



PHẦN 2

Bây giờ trở lại cái ví dụ tôi nói hồi nãy. Con mắt không thể thấy, cái thấy của chính (mình) con mắt tôi. Nhưng mà tôi có thể biết, tôi có cái thấy hay không? Biết được không?

Nếu tôi thấy được quý vị, thấy được tất cả đồ vật chung quanh, tức tôi biết ngay nơi tôi. Tự thâm nhận tôi có con mắt sáng. Trái lại, nếu tôi ngồi đây mà tôi không thấy tất cả, tức tôi không có con mắt sáng.

Như vậy, khi thấy được tất cả sự vật liền nhận ra mình có con mắt sáng, chớ không phải thấy được con mắt sáng của chính mình. Cũng như vậy, khi chúng ta có những cái diệu dụng của tâm, biết được người, biết được cảnh, nghe được tiếng. v.v...

Tất cả cái diệu của nó phát ra. Chúng ta nhận biết ngay nơi mình có cái tâm thể, cái tâm thể ấy rỗng rang, chớ không phải thấy được tâm thể. Vì vậy ở dưới mới nói là “Thâm Khê Hội” tức là thâm khế mà thôi chứ không có chỉ bảo ra được.

Cho nên hiểu được cái đó rồi thì biết được mình có tâm thể. Tâm thể đó nó không có tướng mạo. Bởi không có tướng mạo nên nói: Cái gì là tâm thể, thì không thể chỉ được. Tuy nhiên, không chỉ được mà chẳng phải không có tâm thể. Chớ bảo, vì chỉ không được nên nói không có tâm. Nói như vậy có đúng không?

Cũng như, vì chỉ gió không được, nên nói: không có gió, được không? Như vậy để biết rằng, không vì chỉ chỗ nơi của gió không được, mà nói không có gió. Không vì chỉ tướng trạng tâm không được, mà nói không có tâm. Vậy người biết rõ tâm thể nó rỗng rang không có tướng mạo. Cũng như biết gió nó trùm khắp mà không có tướng mạo, thì người đó không bao giờ nói: không. Cho nên nói “chẳng có tướng không”. Thực tế là trước mắt mà người ta không thấy.

“Nếu dùng ngôn ngữ diễn tả Tâm, cũng chẳng được tâm. Vì ngôn ngữ vốn là tâm, nên diễn tả nó vẫn không được. Không ngôn ngữ cũng vốn là Tâm. Không diễn tả nó vẫn không được.”

Chỗ này khó hiểu làm sao? Nói rằng: “Dùng ngôn ngữ diễn tả tâm trọn chẳng được.” Tại sao vậy?

Bây giờ, quý vị nghĩ nếu dùng tất cả ngôn ngữ, chúng ta sẽ diễn tả Tâm bằng cách nào? Khi diễn tả, chúng ta luôn luôn diễn tả nó theo cái thấy đối đãi. Chẳng hạn hỏi:

- Tâm nó làm sao?

- Tâm nó lớn lắm, như thế này, như thế kia, như quả núi hay lớn như cái này, như cái kia. v.v...?

Tất cả chúng ta thấy cái lớn đó, đều có tướng mạo, Tâm Thể thì không tướng mạo. Vậy khi chúng ta dùng ngôn ngữ để diễn tả, càng diễn tả lại càng không trúng. Cho nên nói: “Dùng ngôn ngữ diễn tả cũng không được, mà chẳng dùng ngôn ngữ diễn tả Tâm, cũng chẳng được Tâm.” Nếu làm thình hoai cũng không được. vậy cả hai, dù nín, dù nói chưa phải là được Tâm Thể. Đừng nghĩ, nói là thấy tâm, nín là không thấy tâm, hay nín là thấy tâm, nói là không thấy tâm. Vì tâm trùm cả nín và nói. Cho nên nói: “Vì ngôn ngữ vốn là tâm.” Nếu không là tâm thì làm sao phát ra ngôn ngữ? Nên không diễn tả được, chẳng lẽ nó lại diễn tả nó. Không ngôn ngữ cũng vốn là tâm “Tâm vốn tự lặng”. Không diễn tả nó cũng chẳng được. Im lặng đâu thể diễn tả được im lặng?

Vì dù nín dù nói gì cũng là Tâm hết, không lý do gì tâm mà diễn tả tâm được. Dụ như ngón tay tôi là cái hay chỉ, mà nói “chỉ cái ngón tay đó” cho tôi coi?

Nếu tôi chỉ có một tay này, không có cái tay thứ hai mà bảo chỉ “cái ngón tay chỉ” đó thì tôi chỉ được nó hay không? Tay tôi hay chỉ người này, chỉ người kia, mà bảo chỉ ngay nó, thì tôi không biết lấy cái gì mà chỉ nó. Vì nó là cái chỉ rồi, cho nên nó chỉ có quyền chỉ cái này, cái nọ, nhưng chỉ lại nó, thì không làm sao chỉ nó được hết. Nếu có cái chỉ nó, thì nó không phải là ngón tay chỉ, mà là cái khác nó.

Thế nên chỗ này rất khó nói. Vì tâm là phát ra ngôn ngữ, diễn tả; im lặng hay nói năng gì cũng gốc từ tâm mà ra. Bây giờ quý vị thấy, như mặt biển, lúc có sóng, khi không sóng, cũng vẫn là biển, phải vậy không? Có sóng cũng là biển,

không sóng cũng là biển, chứ không thể nói: Có sóng mà không thấy biển, hoặc là không sóng thì không phải biển. Sóng và không sóng cũng là mặt biển.

Thế nên, những cái có, không. Không thể diễn tả được biển. Biển là biển thôi, nó trùm khắp hết.

“Các thứ hội đến đều không khế hội với tự tâm”. Nghĩa là cái nào mà mình hội đến (hội đến tức hiểu đến) đều không khế hội với Tâm. Đây là chỗ thật khó! Tại sao mình hiểu đến, không phải là tâm?

Cũng như trước đã nói, cái gì mình thấy, đều không phải cái thấy của mình. Vì khi thấy, là mình thấy những cái, ngoài cái thấy. Bây giờ quý vị có thể thấy được tất cả trong chùa này, nhưng quý vị có thể thấy được cái thấy của quý vị không? Chính chỗ này trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giải thích cho Ngài A Nan: “Cái thấy của mình không thể thấy được nó.” Vì thấy được nó thì nó thành ra một vật ở bên ngoài rồi, chứ nó đâu phải là cái thấy của mình.

Cũng như cái hiểu. Nếu nói: “Tôi hiểu tâm rồi!” Thì cái hiểu đó cũng không phải là tâm. Bởi vậy có một Thiên khách đến hỏi đạo với một Thiên sư. Thiên khách hỏi:

- Thế nào là đạo?

Vị Thiên sư im lặng giây lâu, rồi hỏi:

- Không hội (hiểu) không?

- Dạ không hội.

- Không hội là tốt.

Không hiểu là tốt. Chính cái không hiểu, cái đó mới nhận được tâm. Nếu hiểu, là hiểu cái gì rồi, chứ không phải hiểu tâm. Quý vị thấy được cái đó không?

Bởi vì chúng ta hiểu là hiểu cái gì? Nói mình hiểu cái này, mình hiểu cái kia. v.v... Thì cái bị mình hiểu: Cái này, cái kia là cái bên ngoài mình rồi. Còn cái hay hiểu, mới chính là mình. Song cái hay hiểu đó: Nó đã hiểu cái khác. Tức nhiên cái khác, không phải là nó. Nếu nói hiểu Tâm thì Tâm thành ra cái bị hiểu. Cũng như tôi nói: cái thấy mà thấy được, là thấy vật khác, chứ không phải thấy được, cái thấy.

Quý vị thấy có dễ hiểu hay không? Chỗ này là chỗ chỉ tâm yếu. Nghe đến nó đau cái lỗ tai. Bởi vì lâu nay, người ta quen chạy theo hình tướng, nhưng cái tâm yếu đó, nó không có hình tướng và chính cái đó, nó mới thật là của mình. Còn những cái lâu nay, tôi hiểu thế này, thế kia. v.v... Những cái bị hiểu đó, không phải là của mình. quý vị nên nhớ như vậy.

Cũng như bây giờ quý vị ngồi, quý vị thấy vọng tưởng, thấy mình suy nghĩ cái này, cái kia... thì cái suy nghĩ đó không phải là mình, nó chỉ là một phần nhỏ xíu của dụng, chứ không phải là cái thật của thể.

Như vậy để thấy, nếu chúng ta cho rằng hiểu được tâm mình, tức chúng ta không hiểu gì hết. Vì tâm là cái không thể hiểu. Không thể hiểu mà hiểu, nói nghe thật là mâu thuẫn. Không thể hiểu mà hiểu. Vì chữ hiểu này, hiểu mà không. Có nghĩa là:

Tôi không thể thấy được cái thấy của tôi. Nhưng mà tôi nhận được tôi có cái thấy, vì tôi thấy được sự vật. Cũng vậy, tôi không thể hiểu được cái tâm của tôi, nhưng tôi nhận được tôi có cái Tâm. Nhận được như vậy gọi là: “Thâm Khế”. Vì vậy nên Ngài nói: “Các thứ hội đến đều không khế hội với tự tâm. Thượng cổ bảo: Thâm khế mà thôi”. Tức là chỉ tâm nhận, chứ không thấy được nó, không hiểu được nó (nó chỉ tâm thể). Vì không thấy được nó, chữ nó đại danh từ không xác định, không chỉ đích tên được.

Sở dĩ các Kinh đặt tên cho nó cũng là gương nói, gương đặt, gương kêu vậy thôi.

Ví dụ: Kinh Lăng Nghiêm gọi là Chơn Tâm, Kinh Pháp Hoa gọi là Tri Kiến Phật, Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp giới Tánh, Duy thức gọi là Như Lai Tàng, Thiền Tông gọi là Bản Lai Diện Mục...

Cho nên đọc sách Thiền. Quý vị thường nghe nói: “Không hiểu là tốt” hay là “Cứ giữ cái không hiểu đó”. Tại sao không hiểu mà giữ? Tại sao không hiểu mà tốt? Khi hiểu được chỗ này quý vị mới hiểu qua được trong sách Thiền.

“Nếu như nơi đây mà chưa đạt đạo thì chỉ không vọng niệm là được.”

Giờ đây Ngài nói một câu an ủi chúng ta là: Nếu ngay chỗ này mà mình không nhận được. Nghĩa là không nhận ra được cái “Bản Tâm rỗng không, không bờ mé” thì việc đầu tiên có thể làm được là: “Chỉ không vọng niệm là tốt”. Bởi vì nói đến chỗ đó, cốt sao cho người ta hiểu, nhưng nếu chưa hiểu được, chưa nhận được, chỉ cần không vọng niệm là tốt, có việc gì khác đâu? Đó là giai đoạn đầu.

“Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó là vì (do) thấy có vọng niệm. Người biết có vọng niệm, tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý cũng (do) thấy có vọng niệm. Biết vọng nguyên là đạo mới không vọng. Cho nên người đạt đạo không sở đắc. Chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng, gọi là thấy đạo.

Đây là chỉ thẳng đạo, hay tâm yếu. Nói: “Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó”.

Thí dụ: Mình đang ngồi thiền, thấy vọng niệm, thấy những cái suy nghĩ của mình nó dừng lại. Nó dừng, là vì thấy nó là vọng niệm. Người đó là người thấy có vọng niệm. Vì thấy nó lặng, tức là có niệm.

“Người biết có vọng niệm, tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý, cũng thấy có vọng niệm.”

Thí dụ: Bây giờ vọng niệm nó dấy lên, mình liền (biết) quán sát, liền xét tìm coi, cái vọng này từ đâu mà ra, hay cái vọng này là không thật... Khi mình tìm, mình quán sát nó, tức là lấy chánh lý để quán sát, khiến cho nó lặng. Đó là mình cũng thấy vọng niệm. “Biết vọng nguyên là đạo, mới không vọng”. (Chỗ này thật là trực chỉ) Tại sao biết vọng nguyên là đạo mới không vọng? Hầu hết chúng ta tu, đều thấy vọng là vọng, vọng khác với đạo. Ở đây Ngài chỉ, “vọng tức là đạo”. Chỗ này quý vị nghe thấy khó hiểu, vì chúng ta quen sống trong cái đối đãi, cho nên có lập chơn, lập vọng, cho bên này là vọng, bên kia là chơn. Do thấy có vọng liền biết có chơn. Thành ra chơn vọng là hai cái đối đãi. Nhưng thật sự thì nó không hai. Ví như khi ta nhìn xuống biển thấy sóng nổi dậy. Có người nói: “Đây là sóng”. Rồi chúng ta hỏi: “Cái nào là nước?” (vì có danh từ sóng thì cũng có danh từ nước). Vậy cái đang nổi lên là sóng, còn cái nào là nước? Trong khi sóng nổi âm âm. Quý

vị tìm nước, thì nước phải tìm ở đâu? Nếu chúng ta cho cái này là sóng, rồi muốn tìm nước, chắc rằng chúng ta tìm nước suốt đời cũng không ra.

Chỉ cần ngay nơi sóng đó mà biết: “Sóng tức là nước”, ngay nơi sóng múc lên, khỏi phải tìm đâu xa.

Vậy cái vọng cũng vậy, nguyên vọng tức là chơn. Giờ tôi xin hỏi lại: Khi chúng ta chưa dấy niệm thì lúc đó nó là cái gì? Kế đấy dấy lên rồi nó lặn xuống. Vậy khi nó dấy lên gọi đó là vọng, khi nó lặn xuống gọi nó là gì? Như vậy, nguyên thể nó là chơn hay vọng? Cũng như khi chưa nổi sóng cũng là nước, nước dấy sóng lên cũng là nước. Ngay cái thể đó là nước. Thành ra cái chơn, cái vọng, đâu có rời nhau, tại mình cứ quen đặt nó thành hai. Nghĩa là vọng khác, chơn khác, dẹp cái này để tìm cái kia, rốt cuộc vọng vẫn hoàn vọng. Vì thấy vọng khác, chơn khác, nên bỏ vọng để tìm chơn. Nhưng khi tìm chơn thì cái chơn ấy cũng ở ngoài chúng ta rồi!!! (Tôi đánh ba chấm than để quý vị nhớ hoài).

Bây giờ biết vọng tức là chơn (chữ tức ở đây có nghĩa là không tách rời nhau được), vọng có dấy lên, thì nó từ cái chơn mà dấy lên; nếu nó lặn xuống tức trở về cái chơn, chớ đâu có gì lạ! Như vậy ngoài chơn không có vọng, ngoài vọng không có chơn. Ngay nơi đó biết thể của vọng vốn chơn, thì vọng tự hết. Cho nên thường thường người tu thiền chúng ta “Biết vọng không theo” mà không theo thì tự nhiên vọng nó lặn, vọng lặn tức là chơn, là đạo. Nhưng những cái đó chỉ dùng trong buổi đầu. Đến khi thuần thục chúng ta thấy vọng tức là chơn. Lúc đó chơn và vọng đâu có thật. Tại sao vọng tức chơn? Vì thể của vọng là không, dấy lên rồi mất, dấy lên rồi mất có gì phải dẹp? Biết thể của nó là chơn, hay biết thể nó là không, thì tự nhiên nó lặn, đâu nhọc nhằn trừ dẹp nó. Vì vậy ở đây nói: Nếu mình dùng phương tiện, quán sát để cho nó dừng lại, thì cũng là thấy có vọng thật (thấy có vọng, thấy có dừng, tức là thấy vọng thật) mà thấy vọng thật thì thấy chơn có thật chăng?

Như vậy là thấy đối đãi, mà đối đãi là pháp sanh diệt chưa phải thấy cái thể thật. Cái thể thật đó không có hai, bởi không hai nên vọng tức là chơn, cũng như sóng tức là nước. Chớ không phải rời sóng mà tìm nước. Vậy ngay nơi vọng dấy

lên mình biết, thể nó là không tức là chơn rồi, tức là đạo rồi! Bởi vì chúng ta biết vọng nó là chơn.

Chỗ này cần nói rõ cho quý vị tu bớt sợ. Bởi vì chúng ta biết vọng là cái gốc, dẫn chúng ta theo nghiệp, nên nhiều khi chúng ta coi đó như là cái gì đáng sợ. Vì ngồi tu mà vọng hoài, vọng liên miên, nên đâm hoảng, nghĩ mình tu hành 5 năm, 10 năm vẫn còn vọng hoài, thì đâu có kết quả gì.

Nhưng giờ đây quý vị biết, nó không thật, tức không còn sợ nó nữa. Biết vọng nguyên là chơn thì có gì phải sợ? Biết vọng vốn chơn: Một là không theo. Hai là tự nó lặng xuống chớ có gì lạ đâu? Sở dĩ chúng ta chạy theo nó, vì chúng ta thấy nó có lý, thấy nó hay hay, thấy nó thể này, thấy nó thể kia... giờ đây biết vọng tưởng là cái thể trống không, không có thật thì tự nhiên nó trở về với đạo, trở về với chơn.

Quý vị cứ nhìn thẳng khi nào vọng dấy lên, biết thể nó là rỗng không, là chơn thật, thì tự nhiên nó không có gì phải sợ. Chính trong Kinh Pháp Bảo Đàn Lục Tổ đã nói: “Mê thì chạy theo niệm để tạo nghiệp, nếu tỉnh thì mỗi niệm mình đều giác, mỗi niệm mình là Phật chớ không có gì khác.”

Như vậy không tìm Phật ở đâu xa, không tìm đạo ở đâu xa, chỉ ngay trong vọng đó mà thấy tâm, ngay trong vọng đó mà thấy Phật. Tức là, mỗi vọng dấy lên đều biết, thể nó là không, thì tự nó chơn, tự nó đạo, tự nó Phật chớ không có gì lạ.

“Cho nên người đạt đạo không sở đắc.” Vì vọng lặng xuống tức là chơn, còn cái gì mà được? Quý vị tìm thử? Nếu có được thì cái đó là cái bên ngoài, có sở sắc tức chẳng phải chính mình. Chẳng hạn mình được cái này, mình được cái kia... thì cái này cái kia là cái bên ngoài. Nếu ngay nơi vọng liền thấy thể nó là chơn thì còn gì nữa mà được? thành ra thấy có được là thấy hai, bỏ cái này, để được cái kia. Trái lại không thấy có hai thì chỗ nào mà nói được? Do đó trong Kinh Kim Cang nói: “Vô Sở Đắc”. Vì vừa có sở đắc (chỗ được) tức nhiên không phải đạo rồi.

Nhưng đa số người học đạo hiện tại gần như 99% nghe tu đều hỏi: Đắc được cái gì chưa? Cứ dùng chữ Đắc, dùng chữ Được, dùng chữ Thấy... Bao nhiêu thứ để hỏi. Quả thật là người thấy đạo, hiểu được đạo thì không bao giờ trả lời câu

hỏi đó. Vì trả lời những câu hỏi đó là trả lời theo cái kẹt. Người ta đã sai, mình lại trả lời theo cái sai của họ, tức mình cũng sai luôn.

Bởi vậy tôi nhắc lại một lần nữa, nếu mình thấy có cái này xấu, cái kia tốt, nên mới bỏ cái xấu, cầu cái tốt: Bỏ cái xấu được cái tốt, đó gọi là được. nếu xấu tức là tốt thì, không còn bỏ, không còn được. Nó chính là nó rồi, không còn gì nói là được? Cho nên còn nói được tức còn có hai cái đối đãi, mất cái này được cái kia. Nên không có hai, chỗ nào nói được?

Vọng niệm mà mình không đầy vọng niệm là thật. Vọng vốn nguyên là chơn, thì ngay đó không còn thấy có được mất. Như vậy, đã không được không mất, đó là thấy cái thể chơn thật. Cho nên câu chốt của đoạn này Ngài nói:

“Chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng, gọi đó là thấy đạo.”

Không cầu gì khác tức là không cầu được, không cầu thành, không cầu cái gì khác, mà chỉ cần biết ngay nơi mình: “Mê vọng có, tỉnh vọng không, không có mê vọng gọi là thấy đạo. Cho nên người thấy đạo, là người ngay nơi tâm mình khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín như như chớ đừng cầu cái gì khác! Có cầu đều bệnh! Thế nên câu kết thúc Ngài chỉ cho chúng ta quá rõ: “Chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng, gọi đó là thấy đạo.” Cái biết mà không mong cầu, không mê vọng, thì cái biết đó gọi là thấy đạo. Bởi không mê tức chẳng làm, không vọng tức không có động, không có vọng niệm dấy lên, người thấy đạo là như vậy (thấy đạo tức là thấy tâm, thấy tâm yếu). Ngài chỉ thẳng tâm yếu là như thế đó, quý vị nghe có thấm chưa?

Đến đây Ngài nói: “Người thời nay nói thẳng tất cả đều là đạo”. Tức là nghe trong Kinh nói: “Thầy đều là đạo.” (chữ “thầy” đây là tất cả) Ý nghĩa tất cả đều là đạo, rồi cũng bắt chước như vậy. Nói thầy đều là đạo, nhưng mình đã thấy đạo chưa?

Ngài nói tiếp: “Cũng ví như kẻ ngồi bên mâm cơm, nói ăn mà bụng vẫn đói, vì chưa từng ăn.” Tức nghe trong Kinh nói: “Tất cả là đạo.” Rồi cũng bắt chước nói: “Thầy đều là đạo.” Nói như mình đã nhập xong, nhưng sự thật vẫn là kẻ ngồi bên mâm cơm nói: “Tôi ăn cái này, tôi ăn cái kia. v.v... Nhưng chưa từng ăn và

chưa được miếng cơm nào vào miệng. Nói thì nghe như trúng lăm, mà rốt cuộc không có dính dáng gì.

“Người đạt đạo thì bất năng sở.” Năng sở là cái hay biết và cái bị biết, và cái hay hoặc động và cái bị hoặc động. “Chẳng còn riêng có huyền lý.” Nghĩa là không còn thấy lý huyền diệu nào riêng nữa, ngay nơi mình tức thấy đạo. Cho nên nói, Người đạt đạo vốn không có lý luận nhiều. Vì sao? Vì nếu ta cứ nói đạo là hay thế này là hay thế kia...

Rốt cuộc cái hay đó là cái hay ở bên ngoài, không phải cái hay thật của chính mình.

“Chỗ tầm thường nhật dụng, như khi thấy sắc là lúc chứng, khi nghe tiếng là lúc chứng. Khi uống nước, ăn cháo là lúc chứng, mỗi mỗi đều bất năng sở.”



PHẦN 3

Những chỗ này, nói thật khó hiểu, nhưng là một lẽ thật. Tức là đạo ở ngay chỗ tầm thường nhật dụng của chúng ta chớ không đâu xa! Đây tôi xin dẫn chuyện Ngài Đạo Ngộ và Ngài Sùng Tín. Khi Ngài Sùng Tín phát tâm tu thì Ngài Đạo Ngộ có nói:

“Ông làm thị giả cho ta, rồi ta sẽ chỉ Tâm Yếu cho Ông.

Sùng Tín hầu hạ 3 năm trời, không nghe chỉ Tâm Yếu gì hết. Hôm nọ Sư không còn chịu nổi được nữa. Bèn lên bạch với Ngài Đạo Ngộ.

- Bạch Hòa Thượng, khi con xuất gia Ngài bảo: Con làm thị giả cho Ngài, rồi Ngài chỉ tâm yếu cho con. Sao 3 năm nay Ngài chưa từng dạy con tâm yếu gì hết?

Ngài Đạo Ngộ nói: “Ta đã chỉ cho con rồi. Sao lại nói như vậy?

- Ngài chỉ cho con lúc nào?

- Người bưng cơm lên ta vì người nhận, người dâng trà ta vì người nhận. Người xá lui ta vì người gạt đầu. Chỗ nào chẳng dạy tâm yếu cho người?

Sư cúi đầu lặng thinh giây lâu.

Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai. Ngay câu đó Sư khi ngộ. Lại hỏi thêm:

- Làm sao gìn giữ?

- Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.”

Như vậy chỉ có đưa, nhận, gạt đầu những cử chỉ rất tầm thường mà nhận được tâm yếu. Tâm yếu đâu có cái gì kỳ đặc. Không ngờ Tâm Yếu, chính là cái thường nhật dụng hàng ngày. Do đó ở đây Ngài mới dẫn: “Như khi thấy sắc là lúc chứng.” Bằng chứng cụ thể là ở hội Linh Sơn, toàn chúng đang ngồi chờ Phật thuyết pháp, Ngài liền cầm cành hoa sen giơ lên thì ở dưới Tổ Ca Diếp chúm chím

cười. Ngài đã thấy đạo. Sau này, các vị Tổ cũng thế, khi đưa cây phát tử lên thì có vị cũng nhận ra. Như vậy “thấy sắc là đã chứng.”

Khi nghe tiếng là lúc chứng. Như trường hợp Ngài Hoàng Bá gọi Tướng Quốc Bùi Hưu. Ngài gọi:

- Bùi Hưu!

- Dạ!

- Ở đâu?

Thì Bùi Hưu liền nhận ra!

“Khi uống nước, ăn cháo là lúc chứng. “Như Ngài Triệu Châu, khách đến Ngài hỏi:

- Ông từng đến đây chưa?

- Dạ! Đã từng đến đây.

- Uống trà đi.

Người khác đến Ngài hỏi:

- Ông đã từng đến đây chưa?

- Dạ! Chưa từng đến.

Liền bảo uống trà đi

Chú thị giả thắc mắc liền hỏi:

- Người chưa từng đến Hòa Thượng bảo uống trà đi. Người đã từng đến rồi, sao Hòa Thượng cũng bảo uống trà đi?

Ngài Triệu Châu hỏi:

- Chú ăn cháo chưa, chú thị giả thưa đã ăn rồi. Ngài bảo:

- Uống trà đi! Chú thị giả liền ngộ!

Như vậy, khi uống nước, ăn cháo là lúc chứng, ngay trong đó mà thấy đạo.

“Mỗi mỗi đều bật năng sở.” Đó là mỗi mỗi đều nhận rõ nơi mình, không có năng không có sở.

“Đây chẳng phải tập lâu, chẳng nhờ huấn luyện mà được, bởi vì là việc hiện thành. Người đời không biết gọi là trôi lăn.”

Cái đó chẳng phải do tập lâu mà được, hay huân luyện mà thành, chỉ khéo nhận liền được.

“Bởi vì là việc hiện thành.” Chữ “Hiện thành” có nghĩa là: Nó ở trước mắt mình, nó đã sẵn có, chớ không không đâu xa. Thành ra không phải huân luyện mà được. dù có huân luyện bao nhiêu đi nữa, nếu không khéo nhận ra nó, thì nó cũng thành xa. Chỉ khéo nhận, đó là việc hiện trước mắt!

“Người đời không biết gọi là trôi lăn.” Tức là không nhận ra nó, không biết nó, nên cứ trôi lăn trong đường sanh tử. Cho nên nói: Chúng ta hiện đang sống trong cái tâm thể này, nó sẵn sàng, nó trùm khắp mọi nơi, mọi người chúng ta, mà chúng ta không thấy nó. Chẳng khác nào người đang sống trong không khí, lại quên không khí. Như con cá sống trong nước mà quên nước.

Sống trong nước mà quên nước, có khác gì sống trong không khí mà quên không khí. Chỉ tại vì mình cứ nhớ những cái có tướng mạo mà quên đi cái “nó trùm khắp!” Tức là ở ngay nơi mình, tâm thể nó trùm khắp, mình lại quên nhận, lại nhận những tướng suy nghĩ này nọ, tính toán kia đây.v.v...

Do đó nên gọi là trôi lăn, là luân hồi. Cho nên nói: Chỉ chấn mới biết, khó có thể lường. Chỉ người nào chứng được thì người đó mới biết, khó có thể lường nổi. Chuyện đó quá rõ, vì nó sẵn trước mắt, nhưng có người tìm hoài suốt đời không thấy. Bởi tìm cho nên không thấy, càng cố tìm càng không thấy. (vì nó là sẵn của mình, ở trước mắt) Như vậy khó hay dễ? Tìm suốt đời không thấy thì đâu phải dễ. Nhưng ở trước mắt thì đâu phải khó. Vì ngay chỗ tìm hoài không thấy nên Ngài Long Uẩn nói:

- Khó khó khó! Mươi tạ dầu mè trên cây vuốt. Nhưng bà vợ lại nói:

- Dễ dễ dễ, trên đầu trăm cỏ ý Tổ Sư.

Người nói khó người nói dễ. Nên người con gái tên Linh chiếu nói:

- Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ. Đói đến thì ăn, mệt ngủ khò. (Dã bắt nan dã bắt dị cơ lai khiết phạm, khôn lai thù.)

Nhưng đối với chúng ta, (không nhận được) đói ăn, mệt ngủ, suốt đời chắc trôi lăn trong vòng sanh tử, biết bao giờ mới được thành thoi! Đó là chỗ thật tình Phật Tổ muốn chỉ, điểm này thật là quan trọng!

“Người học biết rõ việc này, vì sao không được Yếu chỉ mà thường nghi.”

Này giờ, Ngài nói dễ, để chúng ta nhận ra cái đó. Giờ đây có người nhận ra rồi, nhưng họ vẫn còn nghi, tại sao? Bởi vì tin chưa tốt, nghi chưa sâu thì chính là việc ấy! Bởi vì nhận ra thì nhận ra rồi, nhưng vẫn còn nghi? Là tại nhận dễ mà nhận, nửa tỉnh nửa mê, hoặc nghi mà nghi chưa thật sâu, tức nhận chưa thấu đáo. Nếu nghi tốt thì khi bừng ngộ cũng là ngộ tốt. Còn nghi không ra nghi, ngộ không ra ngộ, nó lừng chừng nửa tỉnh nửa mê, thì không khỏi còn có chỗ mập mờ. Cho nên tôi lập lại lời nói đầu tiên của tôi, khi mở khóa giảng 3 năm ở đây. Tôi nói: “Tôi dạy 3 năm, chỉ làm sao cho người học đủ niềm tin là được.” Đủ niềm tin là tôi mừng rồi. Quý vị đã đủ niềm tin chưa? Thấy coi như dễ mà khó. Chữ Tin ở đây, không phải tin theo kiểu Phật ban phước, Phật nói Kinh hay, mà tin ngay nơi mình có tâm thể rõ ràng như vậy. Không còn nghi ngờ gì hết. Đi, đứng, nằm, ngồi, gì cũng biết mình có cái đó không nghi, đó mới là thật tin. Còn bây giờ, nhiều khi tin, mà một lúc bận lo chuyện đời, rồi cũng quên mất. Quên mất rồi lâu lâu lại sực nhớ. Uía! Mình có cái đó, sao để cho nó chạy mất đi? Đó là tin mà chưa thật tin. Lại nhiều khi tin mình có cái đó, nhưng sống với nó cũng hơi buồn buồn, nên suy nghĩ cái này, suy nghĩ cái kia, do suy nghĩ tính toán thì thấy có được cái này, cái nọ vui hơn. Nhất là người tu ở chùa không lâu. Khi trước học Kinh có nhiều câu không hiểu, giờ đây tâm hơi yên tĩnh, nhớ lại câu đó liền hiểu ra, thấy hay quá, rồi cứ theo câu đó và suy nghĩ về câu đó mãi, lâu lâu lại nhớ câu khác rồi cũng nghĩ theo. v.v...

Cứ thấy cái suy nghĩ đó là hay mà bỏ thì uổng, không nỡ bỏ! Đó là bệnh. Hoặc có người không nhớ Kinh, mà khi trước tính chuyện làm ăn gì đó, bị lung túng suy nghĩ không ra. Giờ có tu chút chút nên tính cái gì trúng cái nấy. Rồi trở lại suy nghĩ, chuyện đó phải trả lời họ làm sao? v.v...

Giờ đây tâm hơi tỉnh táo, nên liền nghĩ ra cái ý, trả lời như vậy là khôn ngoan lắm, nhớ câu này hoài, ôn tới, ôn lui cho thuộc lòng để mai trả lời với người. Như vậy là đã mất mình bao giờ không hay. Đó là bệnh của người tu, gọi là tin, nhưng chưa sâu, chưa tốt. Nếu tin tốt, bất cứ cái gì đến, dù hay, như nhớ một câu Kinh khi trước mình không hiểu, nhưng bây giờ bưng hiểu, hoặc nhớ cái chuyện mà hồi trước mình suy nghĩ không ra, bây giờ suy nghĩ ra, thì cũng thôi bỏ! Cái đó không phải là mình! Chỉ sống với cái chân thật của chính mình, đó mới là tin sâu.

Cho nên nói: “Nếu tin tốt, nghi sâu thì chính là việc ấy.” Nghi đây là nói về cái nghi tình của những người khán thoại đầu. Nhưng nếu mình không khán thoại đầu mà mình nhận ra, mình tin tốt thì cũng là “Chính việc ấy”, tức là cái tâm yếu chớ chẳng có gì lạ.

“Chẳng biết phản chiếu như thế, bèn mê loạn không biết manh mối.”

Người nào không biết phản chiếu lại như vậy, tức là không chịu soi lại trở lại mình, là kẻ mê loạn, không biết manh mối.

“Giữa đường đang gặp khó khăn mỗi một, lại hay tự phản tỉnh, lại không có người thứ hai.”

Chữ phản tỉnh ở đây tức là nhận ra. Quý vị đừng có nghĩ rằng: Nhìn trong ngực mình là phản tỉnh, đó là lầm! Có nghĩa là từ xưa đến giờ chúng ta có sáu căn như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là cơ quan để tiếp xúc với sáu trần như: Mắt thì chạy theo sắc, tai thì chạy theo tiếng (thanh trần). v.v...

Giờ đây chúng ta phản tỉnh bằng cách: Mắt thấy sắc không chạy theo sắc, nên biết rõ mình có tánh (hay) thấy. Tai nghe tiếng không chạy theo tiếng, nên biết mình có tánh (hay) nghe. Đó là phản tỉnh, tức xoay lại để nhận ra mình, chớ không chạy theo vật (để phân biệt đẹp xấu hay dở...), thì nhận ngay nơi mình không có người thứ hai. Biết không có người thứ hai, thì còn gì nói là mỗi một.

“Đã nói là việc này thì đâu lại có biết.”

Việc này tức là việc của mình rồi, đâu có biết mình nữa. Vì vậy, chính đó là cái tự mình nhận ra thôi, không có phân biệt để mà biết, như biết các sự vật bên ngoài.

“Biết là vọng lự thì việc này cũng chẳng mất.”

Cái biết mà phân biệt sự vật, thì cái biết đó thuộc về vọng lự. Tuy nhiên khi vọng lự nó dấy lên để phân biệt sự vật thì chính cái, “biết việc” này, là tâm thể, tâm thể đó vẫn không mất. Cũng như khi sóng âm ầm ầm dưới biển, mà nước có mất đi đâu không?

Sóng dấy cả mặt biển, sóng vẫn đủ trong mặt biển, đâu phải có sóng mà mất nước.

“Đạo chẳng bởi nói với chỉ, rồi sau mới hiểu, bởi vì thể nó tự thường bày.”

Bây giờ Ngài nói về tâm thể, đó tức là đạo. Thường thường chúng ta không hiểu, tưởng đạo là khác tâm là khác. Nhưng sự thật đạo đây là chỉ cho cái tâm thể của chính mình. Đạo đó không phải do chỉ hay nói rồi sau mới có, mà nó hằng hiển bày ngay ở nơi mọi người chúng ta. Cũng như, hiện giờ chúng ta đang ở trong không khí, chúng ta đang hít thở không khí, nhưng vì công việc đa đoan, nên chỉ nhớ công việc, mà quên mình đang sống nhờ (mượn) hít thở không khí. Nhờ có người nào nhắc cho chúng ta nhớ, tức thì ta sực nhớ lại mình ta hít thở không khí (vay). Vậy không khí đó, mình mới hít thở, hay nó đã sẵn có, nhưng mình tự quên, chớ không phải đợi chỉ mới có, đợi nói mới có. Tâm thể cũng vậy, vì chúng ta sống trong đó mà quên, nên khi nhắc, hay chỉ, liền sực nhớ lại. Nhận ra, đó gọi là thấy đạo, hay ngộ đạo. Vậy đạo không phải mới thấy, không phải mới ngộ, mà sẵn ở bên chúng ta. Do đó đức Phật thành Phật rồi Ngài nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.” Tức là có đó sẵn rồi. Vì vậy nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Đã có cái đó thì chỉ cần một phen nhớ lại liền được, đâu có xa, đâu có nhọc? Nhưng chúng ta lại không chịu nhớ.

Ví dụ: Sáng ăn ít cơm cháo rồi giác cuộc ra đồng, hoặc công tác gì đó. Hết giờ công tác, vào tắm rửa xong, nấu cơm ăn nghỉ một chút, chiều thức dậy cũng làm như vậy. Cứ ngày này, qua ngày kia làm mãi bấy nhiêu việc, mà chưa từng nhớ đến mình đang thở, hoặc có nhớ thì chỉ nhớ thoáng qua, khi nào có dịp thông thả ngồi yên. Còn không cứ nhớ cái này chưa làm xong, cái kia chưa làm xong. v.v... Vì những việc chung quanh mà quên mất không khí mình đang sống. Cũng

vậy, tâm thể nó hiện sẵn ở ngay chúng ta, trùm khắp chúng ta mà chúng ta vì cứ nhớ việc nọ, việc kia. Ngày nay đặt ra bao nhiêu vấn đề phải giải quyết, ngày mai bao nhiêu vấn đề phải thanh toán cho xong... Cuối cùng quên mất tâm thể của chính mình. Do đó mà luân hồi. Quý vị thấy mình có phải như vậy không? Tôi ngồi lại, lại nhớ mai làm việc gì? Rồi phải đi đâu? Phải tính cái gì? Đến sáng mai ra thực hiện được việc này, lại tính qua việc kia. Chiều lại tính xem còn đọng lại bao nhiêu vấn đề mới? Cho đến khi mệt nằm ngủ, trong giấc ngủ cũng tính toán, thức dậy tính tiếp. Cứ như thế tính mãi, mà có cái tâm thể sẵn có nơi mình thì không bao giờ nhớ! Thật là đau khổ! Đau khổ chính là chỗ đó!

Cho nên chúng ta phải khéo nhận ra, cái quan trọng nơi chính mình. Ở trong nhà thiền thường hay ví dụ, cái tâm thể của mình chẳng khác nào như thân này sống nhờ không khí, không có một giây phút rời không khí; vậy mà ít ai để ý đến cái hít vô, thở ra của mình, lại cứ nghĩ chuyện này làm chưa xong, chuyện kia thế nào... Tại sao, cái mà mình sống nhờ nó, lại không nhớ, lại nhớ những cái do mình tạo ra, những cái đâu đâu như đồ đạc, sự nghiệp, của cải, con cái... có phải chuyện quanh quanh, quẩn quẩn trong vòng đau khổ hay không? Như vậy, thì ai cô phụ ai?

Vì vậy, câu chuyện Quốc sư Huệ Trung. Một hôm gọi thị giả Ứng Chơn; Ứng Chơn ứng thỉnh đáp:

- Dạ!

Ba lần gọi. Ứng Chơn ba lần dạ! Quốc Sư Huệ Trung trách đệ tử: Người cô phụ ta rồi!

Thị giả Ứng Chơn kêu đâu dạ đó! Sao Huệ Trung bảo là cô phụ? Có nghe tức có biết (biết tức giác), nhưng Ứng Chơn quên chạy theo tiếng (thinh trần) không nhận ra mình có tâm thể, nên Ông thầy bảo là cô phụ! Vì vậy ở đây nói: “Biết là vọng lự thì việc này cũng chẳng mất”, rõ ràng như vậy!

“Đạo chẳng bởi nói với chỉ rồi sau mới hiểu, bởi vì nó tự thường bày. Nói chỉ là phương tiện của đạo. Người dùng nó để tỉnh ngộ cũng là lỗi tẻ tạm thời thôi.

Hoặc nhọn nói mà chúng, nhọn chỉ mà nhập, hoặc tự chạm biết để trở về, trọn không có việc khác. Đến tận nguồn tâm là dừng.”

Trong ba trường hợp, nghe thiện tri thức nói mình chứng nhận được, hay nhân thiện tri thức chỉ mình ngộ nhập, hoặc là đối cảnh rồi bất thần mình tỉnh ngộ (như trường hợp Ngài Linh Nguyên thấy hó đào nở rồi chợt ngộ), là trường hợp tự chạm biết, mà trở về không có ai chỉ. Ba trường hợp tuy khác nhau, nhưng đến chỗ đó rồi, trở về tận nguồn tâm là dừng. Nghĩa là trở về nguồn tâm rồi không còn đâu khác nữa.

“Có người nói: Ngộ rồi mới tu. Đây thuộc về môn đối trị. Tuy nhiên thiện môn cũng cho chánh tri kiến để trị nó. Nếu luận người đương thời tức chẳng phải như thế. Phải nói: “Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng lao khổ, mới có thể được thành. Dài suốt ba đời phàm thánh, nên nói: “Phật đạo dài lâu”. Chẳng khởi thấy khác, chưa từng trái bỏ. Nên nói: “Hằng chịu siêng năng khổ nhọc”. Tốt cùng không có pháp khác. Nên nói: “Mới có thể được thành”. Đây là việc của Đại trượng phu.”

Ở đây Ngài giải thích về lời nói: “Có người nói, ngộ rồi mới tu, cái lời nói đó cũng là lời nói đối trị thôi.” Tại sao lại nói như vậy? Tại vì đa số người tu chúng ta cứ tin thôi. Nghe nói, đạo hay thế này, thế kia, Phật nói đngs thế này, thế nọ... Nên mình tin mà phát tâm tu. Từ cái niềm tin đó mà vào đạo, chớ không chịu tỉnh giác. Do đó chư Tổ nói: “Cần phải ngộ rồi mới tu” là như vậy.



PHẦN 4

“Tuy nhiên thiên môn cũng cho dùng chánh tri kiến để trị đó.” Ở trong nhà thiên, cũng có cho dùng chánh tri kiến để trị, tức là dùng cái tỉnh giác để trị cái mê lầm. Nhưng: “Nếu luận người đương thời (người đương thời là người như chúng ta chẳng hạn), tức chẳng phải như thế.” Nghĩa là không nói ngộ rồi mới tu, mà phải nói: “Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng khổ nhọc, mới có thể được thành.” Người đương thời như chúng ta thì phải nói như vậy. Ở đây Ngài giải thích theo lý thiên câu: “Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng khổ nhọc mới có thể được thành.” Có nghĩa là: “Dài suốt ba đời phàm thánh nhất như, nên nói: Phật đạo dài lâu.” Bởi vì như chúng ta thấy, cái tâm thể này nó không bị hạn cuộc trong thời gian. Sở dĩ có ba thời: Quá khứ, hiện tại, vị lai là chúng ta căn cứ trên thời gian sinh diệt mà nói. Tâm thể thì nó không mắc kẹt trong thời gian, cho nên nói: “Phật đạo dài lâu.” Nghĩa là nó thấu suốt cả ba thời, không bị chi phối, phàm và thánh đều là nhất như. Vì tâm đó không có đối đãi, không có hai (nên không có chia ra, đây là Phàm, kia là Thánh). Chẳng hạn chúng ta, đối với Phật thì chúng ta là Phàm, Phật là Thánh. Đó là đứng về mặt đối đãi, mê ngộ mà nói. Phật vì ngộ được tâm thể, nên gọi Ngài là Thánh, chúng ta vì quên tâm thể ấy nên gọi là phàm. Nhưng thật ra tâm thể ấy, không có phàm, cũng không có thánh. Nhưng giờ đây chúng ta muốn làm thánh thì sao? Chỉ một việc hết sức đơn giản là nhớ thôi. Vì chúng ta không phải trèo non, lội biển nhọc nhằn, mà chỉ có một việc nhớ, nhớ là thánh, quên là phàm, nhớ là ngộ, quên là mê. Vậy chúng ta nhớ cái gì? Nhớ mình có tâm thể. Còn quên cái gì? Quên tâm thể, chạy ra ngoài. Cho nên chữ mê, ngộ thực ra rất đơn giản. Vì chúng ta thường hay quan trọng nó, nói ngộ là phải ngộ được cái gì? Và mê là mê cái gì? Nó dầy đặc mà mình không hiểu?

Ở đây, mê chỉ có nghĩa là quên. Như trong Kinh Pháp Hoa nói: “Có người có hòn ngọc quý, ở trong ché áo mà quên, nên phải lang thang đi xin ăn nơi này, nơi nọ chịu nhiều khổ sở. Đến khi gặp người bạn chỉ cho, liền biết là có hòn ngọc

quí cất trong áo, tức là người đó nhận ra mình có hòn ngọc quý, từ đó về sau không còn phải đi xin ăn đói khổ nữa.

Chúng ta bây giờ cũng vậy. Ai ai cũng có tâm thể đó, nhưng quên đi, nên cứ chạy theo vọng tưởng sinh diệt, duyên theo sáu trần nó cứ cuốn chúng ta đi nơi này nơi kia, gọi đó là luân hồi. Chỉ khi nào chúng ta sức nhớ lại, không chạy theo vọng tưởng, sáu trần, hằng sống với cái tâm thể, thì đó là đạo. Còn quên nó để chạy theo vọng tưởng, duyên theo sáu trần, đó là mê. Nói thì hết sức đơn giản, tưởng chừng trong chốc lát chúng ta giải quyết xong! Tuy nhiên, đến khi thực hành thì quả thật cay đắng, phải vậy không?

Bởi gì chúng ta quên lâu đời quá, quên nó để chạy theo những cái rất tầm thường ở bên ngoài, nhưng mình cứ chạy theo mãi. Thật tình nếu chịu khó ngẫm nghĩ kỹ chúng ta sẽ thấy:

Buổi sáng ta ăn lót lòng, và làm vài công việc đến trưa. Trưa vào nấu cơm ăn xong, nằm nghỉ một chút đã đến xế chiều. Tiếp tục công việc, rồi nấu cơm ăn là đến tối. Đêm nghỉ một giấc thức dậy là sáng. Hết sáng đến tối, tối đến sáng như vậy... Rồi chính trong cái sinh diệt triền miên đó, mình lại đặt điều kiện này điều kiện kia, chớ không bao giờ có niệm tỉnh giác. Nào biết đâu, thời gian rất là chóng vánh! Chẳng hạn như những vị 6, 7 mươi tuổi. Giờ sức nhớ lại 6, 7 mươi năm qua nào có xa xôi gì đâu? Những cái đó nó cứ trôi qua, trôi qua trong chốc lát. Như vậy, mà mình thì ngày nay mong ngày mai, ngày mai làm sao sáng sửa hơn ngày nay. Rồi mong năm này sáng sửa hơn năm ngoái. Chúng ta cứ sống với những cái gì ở bên ngoài, mà quên mất mình, quên lững đi, chớ không nói là quên chút ít. Cho nên Phật nói, Ngài thấy chúng sanh đáng thương là ở chỗ đó! Nếu chúng ta không có tâm thể, hoặc phải tạo ra một cách cực khổ, và mình tạo không được thì không biết làm sao, còn nó rõ ràng mà bỏ quên đi để chịu khổ, thử hỏi không đáng thương sao được? Đáng thương là tại vì nó có, mà chúng ta lại quên đi. Tuy quên mà đi đến đâu cũng mang nó theo, nhưng không biết đem ra dùng. Giờ đây khi hiểu được lẽ này thì chúng ta thấy rõ, sự tu hành của chúng ta chỉ là làm sao nhận ra, thấy rõ được cái mặt thật của chính mình (nhà thiền gọi là: Bản lai diện mục),

để rời từ đây về sau không còn kẹt ở trong đối đãi, trong phàm thánh, mê ngộ. Vì trên tâm thể đâu có phàm thánh, đâu có mê ngộ?

“Chẳng khởi thấy khác chưa từng trái bỏ.”

Nghĩa là bây giờ, lúc nào chúng ta cũng nhận ra mình, và hằng sống trong cái đó và không chạy theo cái khác, đó là không thấy khác, đó là chưa từng trái bỏ. Nên nói: “Hằng chịu siêng năng khổ nhọc.”

Muốn hằng sống trong thể đó thì cũng phải lâu mới được. Vì vậy nên nói: “Người mà khi đi, đứng, nằm, ngồi đều không có niệm khác, người đó gọi là thấy tánh.” Không phải chúng ta ngày đêm lạy Phật thật nhiều gọi là thấy tánh. Thấy tánh là suốt ngày đêm không để cho các niệm khác dấy lên, hằng sống với cái chân thật của chính mình.

“Tột cùng không có pháp khác nên nói: “Mới có thể được thành.”

Nghĩa là khi đến chỗ tột cùng, thì chỉ có tâm thể đó, chứ không có pháp nào khác, không có quả vị nào ai đem đến cho mình.

“Đây là việc của Đại Trượng Phu.”

Người nhận được sống được là Đại trượng Phu chứ không phải là kẻ tầm thường.

“Người không biết đi hỏi, liền y nơi đó mà đáp. Chẳng biết bèn tự hỏi thì ông muốn đáp cho ai? Người không biết đáp, liền y lời nói khởi kiến giải. Chẳng biết bèn tự đáp thì ông có chỉ thú gì? Cho nên nói: Thấy là Ông, khéo xem, khéo xem!”

Đoạn này thật là khó hiểu! Nếu người không biết được tâm thể của mình, rồi đi hỏi kẻ khác. Người đó nói y theo câu hỏi của mình, mà đáp lại cho người.

Đó là trường hợp người không biết chạy theo bên ngoài để hỏi. Còn bây giờ Ngài nói chẳng biết, bèn tự hỏi thì ông muốn đáp cho ai? Nếu mình chạy theo bên ngoài để hỏi, thì đã có người hỏi và người đáp, rõ ràng là có hai, tức thuộc ở ngoài. Thực tình nếu không biết thì mình tự hỏi lấy mình, tự vấn lấy mình, như vậy còn có ai hỏi? Ai đáp? Cho nên nói: Đáp cho ai?

“Người không biết đáp, liền y lời nói khởi kiến giải, chẳng biết bèn tự đáp thì ông có chi thú gì?”

Người không biết đáp, là người khi nghe hỏi liền khởi cái hiểu biết phân biệt, thế này, thế kia để đáp lại người hỏi. Đó là khởi kiến giải. Nếu chẳng biết bèn tự đáp cho mình, thì còn có chi thú gì? Tóm lại, câu chót Ngài nói: “Cho nên nói thầy là ông, khéo xem! Khéo xem!”

Như vậy đoạn này Ngài nói, nếu chúng ta không biết thì nhận nơi mình, ta vẫn nơi mình mà biết. Còn nếu chúng ta biết đáp thì cũng tự thâm đáp, để xoay lại mình, chớ đừng có chạy theo câu hỏi của người mà suy nghĩ, tính toán. Thế mới không bị mắc kẹt, các ý nghĩ khác ở bên ngoài, mà hỏi và đáp đều chính nơi mình hết. Cho nên, trong nhà thiền thường dùng những câu nói như vẫn tức là đáp. Khi hỏi tức là đáp. Tại sao khi hỏi là đáp? Và hỏi là hỏi cái gì? Phải chăng hỏi đạo? Hỏi Phật? Hỏi Tâm? Đạo Phật ở đâu? Rõ ràng ở ngay đầu câu hỏi đó, đã có đạo, đã có Phật rồi! Vậy mà mình cứ chờ người khác đáp, rồi bám theo cái đó mà suy nghĩ, cuối cùng chấp lấy chỗ kiến giải, cho là của mình. Thật đáng hổ thẹn thay!

Cho nên người biết hỏi là hỏi ngay nơi mình, vừa dấy niệm lên biết đầu cái niệm ấy là gì? Tự nhiên sẽ thấy! Trái lại, nếu dấy niệm chạy theo ra ngoài hỏi, chờ người đáp rồi suy nghĩ, đó là mắc kẹt. Đến người đáp cũng vậy, khi người hỏi, mình đáp, thì cũng đáp cho khéo, để cho họ xoay lại họ, mình xoay lại mình, đó mới là đáp đúng.

Chính chỗ này nên quý vị thầy, trong nhà thiền nhiều khi có những hành động lạ lùng. Chẳng hạn như hỏi: “Thế nào là câu cứu cánh.” Vị Thiền Sư chỉ ngồi làm thinh. Đó là đáp hay không đáp? Đáp đó là dùng cái gì đáp? Tức là trở lại mình. Bởi vì cái cứu cánh là cái tự mình nhận, tự mình thấy trước khi vọng tưởng chưa sanh, nên hỏi: “Thế nào là cứu cánh?” chỉ ngồi làm thinh. Nếu người không hiểu thì thôi, còn nếu khéo thì nhận ra ngay, vì trong cái làm thinh đó đã chỉ cái cứu cánh rồi. Đó là đáp để trở về mình, và người hỏi kia, họ cũng trở về họ. Đây tôi dẫn thêm một câu chuyện:

Có một Thiền sư một hôm hỏi thị giả:

- Ông họ gì?

Thị giả đáp:

- Con đồng họ với hoà thượng.

Vị Thiền Sư lại hỏi:

- Ta họ gì?

Chúng ta ai trả lời dùm câu hỏi đó xem?

Thị giả thưa:

- Đầu câu nói đó là gì?

Thật là câu nói khéo làm sao! Đầu câu nói đó là gì?

Vị Thiền Sư hỏi:

- Người từng học ở đâu?

Thị giả thưa:

- Không có chỗ khác!

Vậy ông Hòa Thượng họ gì? Nghe câu chuyện như là nói đùa mà thật thấu đáo. Nếu thị giả không trả lời như vậy, mà nói: Thưa Hòa Thượng con họ Nguyễn, họ Lê gì đó... Thì chắc là ngu! Hỏi: “Đầu câu nói là gì? Tức vị Hòa Thượng kia đã biết họ của Ông thị giả rồi. Nghĩa là chú đồng họ với ta. Đó là những cái khéo của nhà thiền, mà người ngoài (ngoại cuộc) có vẻ lạt lẽo làm sao! Nhưng thật tình nó rất thâm thúy! Chính lối đáp như vậy, mới thật là cái hỏi đáp trở về mình. Còn chúng ta cứ nghe hỏi rồi đáp, không khéo là hỏi đáp theo phân biệt của ý thức. Vì vậy nên Ngài nói: Thấy là ông, khéo xem! Khéo xem. Tức là cái gì cũng xoay về chính mình. Trong Kinh Lăng Nghiêm đầu chẳng nói: “Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai.” Nghĩa là, người nào chuyển được vật, thì người đó đồng với chư Phật. Cũng như Lục Tổ nói: “Người chuyển Kinh và người bị Kinh chuyển. Như câu chuyện Ông Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ, mà không hiểu chỉ thú của Kinh, như vậy là bị kinh chuyển. Còn giờ đây biết chuyển được Kinh thì đó là người thấy đạo. Do đó, bao nhiêu lời Phật dạy là để thấy lại mình, nhưng chúng ta không chịu thấy, mà cứ cho lời Phật nói thế này là hay, thế kia là tuyệt diệu... Rồi suy nghĩ hoài câu nói đó, đến nỗi chưa bao giờ thấy được mình.

Không thấy được mình thì dù lời Phật nói có hay thế mấy đi nữa, cũng là của báu thiên hạ (Thiền Sư nói: Mặc áo nhà bên cạnh), không phải của báu nhà mình. Nên nhân lời Phật nói mà thấy được mình, đó mới thật là chuyên Kinh. Cũng như chúng ta thấy sự vật, chúng ta nghe tiếng. v.v... Tất cả sau trần đối đãi bên ngoài ta, nhưng mỗi cái thấy, cái nghe chúng ta đều xoay trở lại mình nhận rõ nơi mình, thì đó gọi là chuyển vật, là đồng với chư Phật.

“Hoặc có người bảo: từ trước cổ nhân Phật Tổ chỉ bày ngôn giáo, lưu bố thế gian, mỗi mỗi phân minh. Có sao đều nói là “tự mình”, đâu không phụ lòng từ bi của Thượng Tổ, chư Thánh nhọc nhằn dạy bảo?”

Đến đây Ngài đặt nạn vấn. Ngài nói: có người hỏi; từ xưa đến giờ Phật Tổ đã chỉ dạy, bao nhiêu Kinh điển rõ ràng, truyền bá đầy đủ trên thế gian rành rẽ. Giờ đây cái gì Ngài cũng bảo là “tự mình.”

Như vậy có phải Ngài phụ lòng chư Phật, chư Thánh hay chăng? Ngài đáp:

“Tôi thuận theo tông thú của Phật Tổ, chính Ông phụ lòng từ bi của chư Thánh trước, chớ tôi đâu có phụ. Tại sao? Nếu nói có sở thuyết, tức là chê bai Phật, Tổ. Ông chớ nên làm người rớt sau đoạn hạt giống Phật. Nếu chẳng đến nơi mình biết trở về, thì việc làm đều thành hư ngụy. Dù Ông nhớ được như hà sa, hiểu được như trần mặc ở nơi mình nào có ích gì? Cho nên nói: “đem cái nghe nhớ lại chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe, cầu tướng ở bên ngoài, cùng ông đâu dính dáng gì. Có một vị tôn túc bảo: nay ta đáp ông một câu, mà tiến được, vẫn còn đôi phần so sánh. Nếu Ông chẳng hội, Lão Tăng thành vọng rồi.”

Đoạn này Ngài nói thật rõ, tại sao chúng ta phải trở về mình như câu hỏi trên. Nếu cái gì chúng ta cũng nói trở về mình. Như vậy là chúng ta đã phụ lòng chư Phật chỉ bảo. Nhất là đức Phật A Di Đà đang đưa tay đón tiếp chúng ta (nghĩa là Ngài sẵn sàng đón tiếp chúng ta, mà chúng ta không chịu đưa tay cho Ngài dìu, thành ra như vậy mình đã phụ Ngài sao?). nhưng ở đây Ngài Phật Nhãn nói lại: “Đó là Ông phụ, chớ không phải ta phụ.” Tại sao Ngài trả lời như vậy? Vì “nếu có sở thuyết (chỗ nói) tức là chê bai Phật, Tổ.” Trong Kinh Kim Cang Phật nói: “nếu nói Phật có thuyết pháp tức là chê bai Phật.” Như vậy nói có sở thuyết, tức có cái

bị nói, Ông chớ nên làm người, rốt sau đoạn hạt giống Phật.” Nghĩa là Ông chớ làm chớ làm cái kẻ sau cùng dứt hạt giống Phật. Bởi vì lời của chư Phật nói ra, cốt chỉ chúng ta ngộ tâm thể của mình, chớ không phải để nói thành câu hay, lời khéo cho chúng ta học thuộc. Thế nhưng chúng ta thường hay bị mắc kẹt ở lời Phật nói, không chịu nhận nơi mình. Do đó Phật nói Kinh suốt 49 năm, mà sau cùng Ngài kết luận một câu: “Ta chưa từng nói một chữ,” để thấy rằng có nói đó chỉ là phương tiện tạm thời, chớ không phải cứu cánh chơn thật. Cái thật chính là trở về nơi mỗi người chúng ta, nên nhận ra được nơi chính mình. Nếu không như vậy, chính chúng ta đã tự đoạn hạt giống Phật của chính mình, chớ không ai khác.

“Nếu chẳng đến nơi mình biết trở về, thì việc làm đều thành hư ngụy.” Nếu chúng ta không trở về nơi chính mình, thì những việc làm của chúng ta như: gõ mõ, tụng Kinh, niệm Phật. v.v... là cầu những cái bên ngoài (tức những cái đó) đều là hư ngụy. Như vậy, cái chính yếu, cốt phải trở về mình. Thế nên, chúng ta ngồi thiền là để làm gì? Là không chạy theo vọng tưởng. Nếu ngồi mà mong thấy Phật, thấy tướng hào quang... đó là mong những cái bên ngoài, đó cũng là hư ngụy, mà chạy theo cái hư ngụy tức đã là tà. Vì vậy cho nên nói: “Dù Ông nhớ được như hà sa (nhớ Kinh, nhớ lời Tổ nhiều như cát sông Hằng), hiểu được như trần mặc (hiểu Kinh, hiểu lý nhiều như bụi mực), nơi mình nào có ích gì? Nghĩa là nếu chúng ta hiểu nhiều, nhớ nhiều. Nhưng chính nơi mình nào có ích gì? Chính Phật đã từng trách Ngài A Nan trong Kinh Lăng Nghiêm: “Dù cho Ông đa văn, học thuộc lòng ba tạng Kinh của chư Phật, không bằng một ngày Ông thật hành tu để thấy đạo.” Tức là một ngày mà chúng ta tu, chúng ta sống thật với mình, còn quý hơn thuộc lòng ba tạng Kinh Phật.

“Cho nên nói: đem cái nghe nhớ lại lời chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe?” Câu này trích lại trong Kinh Lăng nghiêm: “Tương văn trì Phật, Phật hà bất tự văn văn”. Nghĩa là đem cái nghe mà nhớ lời chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe của mình. Bởi chúng ta có cái bệnh, nghe câu nào trong Kinh nói hay thì nhớ cho thuộc, mà không chịu sống lại tánh nghe hằng có của chúng ta.

“Câu Phật có tướng ở bên ngoài, cùng Ông đâu có dính dáng.” Câu này trích ở trong lời các Tổ nói. Nghĩa là chúng ta đã có Phật mà không biết trở về, lại cứ cầu Phật ở bên ngoài như Phật Thích Ca, Phật A Di Đà. v.v... vậy Phật ở bên ngoài đâu làm cho mình trở về được? Muốn trở về, phải là chính mình chớ không ai khác! Vậy nên Ngài dẫn “Có vị Tôn túc bảo: nay ta đáp Ông một câu cũng chẳng khó, nếu Ông ngay một câu mà tiến được, vẫn còn đòi phân so sánh.” Bởi nếu chúng ta nhân câu nói của vị đó mà có tiến, có hiểu thì cũng vẫn còn trong vòng đối đãi, so sánh. Lại “nếu Ông chẳng hội thì Lão Tăng trở thành vọng rỗi.” Còn nếu chúng ta không hiểu thì đó cũng là lời nói rỗng, vô ích.

Nói tóm lại, chúng ta phải thấy rằng, học đạo gốc là trở về mình. Nhưng bây giờ chúng ta và Phật tử học đạo như thế nào? Trở về mình hay chạy ra bên ngoài. Gần hết 90% là chạy ra ngoài. Nghe nói ở đây, kia có thầy bói giỏi, tức liền đi đến để xem. Nghe đàng nọ có gò mối nổi lên giống hình Ông Phật liền tới lễ. v.v... Cứ như vậy mà chạy ngược chạy xuôi tìm Phật. Cuối cùng Phật ở đâu không thấy, mà Phật chính mình thì đành quên mất tự lúc nào.

“Học Giả thời nay đua nhau, lấy hỏi đáp làm quan yếu trong Thiền Tông, chẳng biết là tâm thủ xả khởi tướng. Than ôi cái học đến lý, đến sự đều là lối nói của người gần đây, dù có chút ít nhận hiểu cũng chưa được thối dứt. Đâu chẳng nghe nói: Đạo Niết bàn dứt bật nghĩ lường. Phải biết thẳng thắn tự kiểm điểm mới được.”

Ngài nói rằng nhiều người cho hỏi đáp là chỗ quan yếu của người học Thiền. Nhưng thật ra đó cũng là tâm thủ xả. Vì nếu người đáp hay, thì ta cũng chấp vào câu đáp để mà nhớ, còn người đáp dở thì chúng ta chê. Như vậy cũng còn là cái tướng thủ xả thôi. Cái học dẫn đến lý, đến sự, là người học thì chia ra đây là sự, kia là lý, lý khác, sự khác. Cái đó đều là lối nói của người gần đây. “Và có những người như vậy, dù có chút ít nhận hiểu, cũng chưa được thối dứt.” Vì sao? Vì chúng ta còn kẹt trong cái suy tư, phân biệt. “Đâu chẳng nghe nói, Đạo Niết bàn dứt bật nghĩ lường.” Nếu chúng ta còn suy nghĩ, dù suy nghĩ cái hay như Niết bàn, như Phật chẳng nữa, thì cũng chỉ là Niết bàn tướng, Phật tướng mà thôi.

Chỉ khi nào chúng ta không nghĩ, không tính toán đó mới thật là đạo Niết bàn. “Phải biết thắng thắn, tự kiểm điểm mới được.” Do đó mà chúng ta phải thắng thắn, nhìn lại mình để kiểm điểm nơi mình thì mới thấy được Niết bàn. Còn nếu chúng ta cứ chạy ra ngoài, theo cái bên ngoài thì ắt không bao giờ thấy.

“Người do mê tâm nên tìm đạo, bèn đến trong núi rừng cầu gặp thiện tri thức, cho là riêng có cái đạo, có thể khiến người được an lạc. Họ không biết nghiên cứu trở lại, chằm chổ mê hạ thủ công phu là tối đệ nhất. Nếu không đến được chổ mê này, dù vào núi rừng không trở lại, cũng uổng công mà thôi. Chổ mê cũng rất dễ nói mà khó vào. Cho nên Tiên Đức nó: “khó tin, khó hiểu!” lại bảo đây là nói đạo của Tông Đốn. Nói phản chiếu vốn là lời tẩu tác, hướng là chẳng như thế. Người đời sau, bèn dùng lời trên làm bình thường vô sự, một vị chơn thật. Đây là chổ không rõ của kẻ hậu học, ăn mặc chẳng xét.”



PHẦN 5

“Người do mê tâm nên tìm đạo.” Vì chúng ta quên tâm, cho nên mới đi nơi này, nơi kia để học hỏi tìm đạo. “Bèn đến trong núi rừng cầu gặp Thiện tri thức. Cho là riêng có cái đạo, có thể khiến người được an lạc.” Là cầu người này, người kia chỉ cho mình cái đạo được an lạc. Mà họ không biết tự nghiên cứu lấy cái chỗ mê của mình để hạ thủ công phu. Ngay chỗ mê đó là tối đệ nhất. Bởi vì ta mê nên không thấy đạo. Vậy mê là cái gì? Chúng ta thử tìm lại cái mê đó coi, nó ra sao? Chính đây là câu then chốt của nhà Thiền. Khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc. Đến núi Thiếu Thất, ngồi xoay mặt vào vách 9 năm. Một hôm Ngài Thần Quang tìm đến hỏi đạo:

- Tâm con không an, nhờ Thầy chỉ cho.

Tổ bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Ngài Thần Quang tìm lại không thấy thưa:

- Dạ! Con tìm tâm không được.

Tổ đáp:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi! Và Ngài Thần Quang đã thấy đạo! Tổ khen Ông khá lắm (chữ Khả là khá), liền cho Ông pháp hiệu là Huệ Khả!

Như vậy, thấy đạo là thấy gì? Là tìm chỗ bắt của chính mình, chỗ bắt an đó tức là mê (tìm lại chỗ mê thì mê hết). Cũng như chúng ta biết mình dốt, thì hết dốt, con nếu mình không biết mình dốt, dù có tìm học gì nữa, cũng là học cái dốt...

Do đó, chúng ta muốn hết mê thì phải tìm ngay cái mê đó mà hạ thủ công phu. Cũng như muốn hết vọng tưởng, chỉ cần biết ngay cái vọng tưởng nó không thật, tự nhiên nó hết. Đó là cái thuật chính yếu của người tu Thiền. Cho nên ở đây Ngài nói là Tối đệ nhất!

“Nếu không đến được chỗ mê này, dù vào núi rừng không trở lại cũng luống công mà thôi.” Nếu chúng ta không trở về chỗ mê đó, dù có vào trong núi rừng ở bao nhiêu năm cũng luống công, nhọc sức không được cái gì.

“Chỗ mê rất dễ nói mà khó vào.” Chúng ta nghe nói thì thấy hơi dễ, cũng như biết cái mê đó thì dễ, nhưng muốn hết mê ắt không dễ. Vì thế Ngài nói: “Khó tin, khó hiểu.”

“Nói phản chiếu là lời nói tẩu tác, huống là chẳng như thế.” Thật ra, phản chiếu đối với nhà Thiền cũng chưa phải là chính yếu, vì đó còn là lối tẩu tác, tức là chạy ra ngoài, tạo tác ở bên ngoài. Huống nữa hiện giờ chúng ta tu thì cứ buổi sáng 4 giờ thức dậy công phu, quét dọn, lau tượng Phật, làm ít công tác khác, chiều lại Tịnh độ... cứ lếu láu qua ngày hết buổi, hai thời công phu như vậy là hết bổn phận một vị Tăng, vị Ni ở chùa. Cho như vậy là tu, xứng đáng lắm rồi. Thế mà đối với trong đạo, chúng ta chưa từng có phút giây phản tỉnh, mà ở đây Ngài bảo, phản tỉnh vẫn còn là lời tẩu tác. Vì nói phản tỉnh, dường như ra ngoài rồi mới nhìn trở (lại) vào. Nó cũng còn hình thức, thì đối với những việc trên nào có dính dáng gì? Cho nên, chúng ta phải sống lại với mình một cách thực tế, đó mới là sống về với đạo.

“Người đời sau bèn dùng lời trên làm bình thường vô sự, một vị chơn thật.” Có người nghe nói phản chiếu cũng là tẩu tác, rồi không làm gì hết, bình thường vô sự. Nghĩa là không phản chiếu, không tu hành gì, cứ bình thường vậy thôi, đó là bệnh.

“Đây lại là chỗ không rõ của kẻ hậu học, ăn mặt mà chẳng xét.” Cho nên chỗ này thật ra dễ mà khó, khó mà dễ. Chúng ta nghe nói tẩu tác, nói phản chiếu cũng là bệnh, rồi không làm gì hết, mặc nó ra sao thì ra, đó lại càng thêm bị bệnh. Thành ra chúng ta phải khéo léo, phải khôn ngoan mới nhận được cái chính yếu của sự tu. Chúng ta đừng nghĩ, phản chiếu là cứ ngồi lại lắng nghe trong tim trong ngực đập, mạch nhảy. v.v... cho đó là phản chiếu. Phản chiếu chỉ là một lối nói, vốn chỉ chúng ta sống lại với bản tánh của mình, chớ không chạy theo sáu trần. cho nên nói: “Đem cái nghe, nghe lại tự tánh của chính mình, hơn là nhớ lại lời chư Phật.

Đến đây, tôi nói một câu chuyện mà quý vị nào khéo thì sẽ thấy nó lạ! Như chúng ta biết, nơi thân tứ đại này, nhờ không khí, sự hít thở của không khí làm cho

nhịp tim đập , đẩy máu lưu thông trong cơ thể. Đó là sự sống. Nếu không hít không khí vào được, tim ngừng đập, mạch máu dừng lại; đó là chết. Thân này hoạt động liên liên, mạch nháy, tim đập liên tục, một cái thân là một cái máy. Mà là máy nên khi có một bộ phận nào đó lọc bụi không kỹ thì bị nghẹt, tức nó bệng hoặc nhiều khi có thể chết. Đã là là máy thì quý vị thấy có cái máy nào đòi đòi còn hoài không? Bởi là máy nên phải có ngày hư củ, có ngày phải ném ra bán đồ phế thải. Vậy thân này cũng là máy, thử hỏi chúng ta cố giữ nó lâu dài được chăng?

Biết nó không thể giữ được. Vậy mà hằng ngày chúng ta lo cái gì? Lo cho nó no, lo cho nó ấm, nó mạnh khỏe là tối thượng. Ngày nay được no ấm, mạnh khỏe, thì lo cho ngày mai. Được ngày mai, lo đến ngày mốt, cứ lo như vậy mãi...

Còn có một cái không bao giờ hoại diệt, không bao giờ hư. Vì nó không phải là máy. Nó thật tình hiện hữu mà chúng ta quên, không buồn nhớ đến nó. Nó phát lộ ra rõ ràng ở tai, ở mắt, ở toàn thân, bao giờ cũng có nó, nó không nhờ hít thở để mà sống, tự nó hiện có. Nếu chúng ta có phút giây nào sống được với nó, thì sẽ thấy thân này như là một trò chơi! Nếu chúng ta sống trọn với thể tánh đó, thì ai xin thân này, chúng ta sẵn sàng cho, có ngại gì.

Như Tổ Sư Tử, khi Vua nước Kế Tân hỏi:

- Ngài nói ngữ uẩn đều không, bây giờ Ngài cho tôi cái đầu được chăng?

Tổ nói:

- Cả ngữ uẩn đều không, sá gì cái đầu. Như vậy cái đầu cũng không phải quan trọng. Bởi gì đã sống được cái thật, thì cái giả có đáng gì. Cũng như cá đũa bé, vì chưa từng thấy chiếc vòng bằng vàng thật bao giờ, nên mới quý những chiếc vòng thau của nó. Nếu nó biết có chiếc vòng bằng vàng, cái này chỉ là giả, thì tự nhiên nó hết quý. Cho nên người học đạo, sở dĩ xả thân này dễ dàng, là vì biết được cái thật. Nếu không, khi mất thân này, nhất định phải tạo thân khác, phải tìm cái khác để bám vào. Thế nên, cái giả mà không biết, thì theo cái giả đòi đòi không bao giờ quên nó. Đó là chỗ quan yếu của người giác ngộ. Nghĩa là cái thật mà chúng ta không biết, cái giả chúng ta lại không rõ, thì cái tu này không bao giờ thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử..

“Từ trước đến đây có hai thứ phương tiện:

1.Chơn thật phương tiện nói không hờ cách.

2.Thiện xảo phương tiện: khéo ứng dụng hợp các căn cơ.

Nếu từ chơn thật phương tiện được vào là chẳng nhờ suy nghĩ, tánh tự thâm thâm giải, hằng không có lui sụt, diệu dụng như hằng sa. Nếu từ thiện xảo phương tiện được vào thì, được an nhiên ngồi mặc áo. Về sau tự xem mới biết chỗ chưa đủ mà cho là cứu cánh. Hai thứ phương tiện này, đều là một pháp, không có thể mất trong chốc lát, người học phải khéo xét đó. Ngài Tuyết Phong dạy người: “Chớ bảo Lão Tăng không có một câu đến trên phần của Ông, nếu có một câu đến trên phần của Ông thì kham dùng làm gì?” Đây là cổ nhân bắt đắ dĩ mà thôi. Người sau không nên hiểu ý cổ nhân, bèn cho rằng trên phần của chính mình, không có các thứ nói bàn, đây là hiểu lầm rồi.”

Ở đây Ngài nói, chúng ta hiểu đạo do hai thứ phương tiện:

1. “Phương tiện chân thật nói không hờ cách.”

Phương tiện đầu là phương tiện chân thật, khiến người nhận chân được đạo hay tâm yếu, không có hờ cách, là không có một phút giây nào bị chen lộn.

Như trường hợp Lục Tổ Huệ Năng, khi nghe câu nói trong kinh Kim Cang: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm,” Ngài liền ngộ, từ đó về sau không còn hờ cách nữa. Hay trường hợp Tổ Lâm Tế, sau khi Tổ Hoàng Bá đánh ba lần, Ngài đến nơi Hòa Thượng Đại Ngu, Ngài ngộ. Từ đó, về sau Ngài nói: “Không có một phút giây nào mà có những niệm khác chen vào.”

2. “Thiện xảo phương tiện.”

Đó là những cái thiện tri thức đánh thức cho mình giác ngộ, thấy được lẽ thật. Tuy nhiên khi được rồi, sau cũng có lui sụt, là bởi do cái khéo của thiện tri thức mà mình nhận được, nhưng còn yếu. Cho nên: “Nếu từ phương tiện chân thật được vào, là chẳng nhờ suy nghĩ, tánh tự thâm thâm giải, hằng không có lui sụt, diệu dụng như Hằng sa. Nếu từ thiện xảo phương tiện được vào thì an nhiên ngồi mặc áo, về sau tự xem mới biết, chỗ được chưa đủ mà cho là cứu cánh.”

Vì chúng ta ngộ chưa xong mà lầm tưởng là xong. Như vậy hai phương tiện trên. Phương tiện đầu, sau khi được thì xem như là xong, còn phương tiện thứ hai được rồi mà sau mới thấy còn thiếu, chưa hoàn toàn, nên phải công phu nhiều nữa mới được thuần thực. Tuy nhiên, hai phương tiện trên công phu thì thấy dường như có khác. Nhưng thể tâm yếu đó, không có mất trong chốc lát nào. Đến đây Ngài Phật Nhãn mới dẫn câu nói của Hòa Thượng Tuyết Phong: "Chớ bảo Lão Tăng không có một câu đến trên phần của Ông, nếu có một câu đến trên phần của Ông thì kham dùng làm gì?" Nghĩa là trên tâm thể của chúng ta, không có một câu nói nào mà nói đến được, nhưng nếu nói được là nói cái gì chớ không phải nói đến tâm yếu. Vì vậy, "Nếu có một câu nói đến thì không kham gì được." Do đó mỗi người chúng ta, hãy nhận nơi lời thiện tri thức mà biết được phần của mình, đừng mong Thiện tri thức chỉ đến, vì Thiện tri thức không thể chỉ đến chỗ chân thật đó cho mình.

"Người thời nay phần nhiều đem việc xem xét trước mắt cho là cực tặc. Sở dĩ Ngài Huyền Sa nói với người: "Chỗ núi sâu vắng bặt không người, đạo của Ông lại có chăng?" Ngộ tâm thấy tánh phải như Tuyết Phong, Huyền Sa, đáp trên đất thật phải như Nam Tuyên, Triệu Châu mới được!"

"Nam Tuyên, Triệu Châu mới được!"

Đến đây Ngài nói: "Người thời nay phần nhiều đem việc xem xét trước mắt cho là cực tặc." Nghĩa là cho cái xem xét trước mắt là công thức tột cùng, là lý cứu cánh. Vì vậy Ngài mới dẫn: "sở dĩ Ngài Huyền Sa nói với người: "Chỗ núi sâu vắng bặt không người, đạo của Ông lại có chăng?" Nếu chúng ta cho là chỉ có đạo ở trước mắt, như vậy ở trong núi sâu không người nơi ấy có đạo không? Tâm thể nó trùm khắp chớ đâu phải hạn cuộc ở chung quanh chúng ta.

Nếu chúng ta cho rằng, nó chỉ chung quanh chúng ta thôi thì đó là cái nhìn lầm lẫn. Cho nên nói, nơi nào, chốn nào, dù có người hay không người, ở đó vẫn có đạo. Tại sao vậy? Vì tâm thể nó trùm khắp, mà tâm thể tức là đạo. Vậy nơi nào lại không có đạo? Nên Ngài nói: "Người ngộ tâm thấy tánh phải như Tuyết Phong,

Huyền Sa, còn người đạt đạo chân thật phải như Ngài Nam Tuyên, Triệu Châu ở trong tất cả thời đều không xen hở, thì mới xong.

“Học giả thời nay chỉ lấy phương tiện của cổ nhân làm Thiền (tức tâm), làm đạo, không thể cùng cổ nhân đồng tham. Ví như người mạnh gánh nặng 120 cân, đi qua cây cầu khi mà chẳng run, chẳng nghiêng. Do sức gì phù trì mà được như thế? Bởi kia tinh thần không tạp mà thôi. Kẻ vì đạo cũng phải như vậy. Trong Kinh nói: “Ví như con Sư tử chụp con Voi cũng dùng toàn lực, chụp thỏ cũng dùng toàn lực.” Có người hỏi: “Toàn lực là gì? Đáp toàn lực chẳng dối. Nếu thấy một mảy lông khác nơi tâm thì tự tan thân mất mạng. Cho nên người đạt đạo không có cái gì là chẳng phải, lực này rất lớn, chỉ vì vô biên ác giác xâm lấn, khiến nên lực lượng có kém. Nếu không có nhiều thứ pháp vì vô biên ác giác xâm lấn, khiến nên lực lượng có kém. Nếu không có nhiều thứ pháp

Ở đây Ngài nói: “Người học giả thời nay lấy những phương tiện của cổ nhân làm Thiền, làm Đạo. Khi nghe cổ nhân nói một câu, hoặc có một hành động nào mình cho là đạo, và tưởng chừng mình đồng tham với các vị đó (đồng học và đồng tu). Giờ Ngài dùng một thí dụ: “Như có người gánh một gánh nặng 120 cân, đi qua cây cầu khi, đi thẳng thẳng không run, không nghiêng.” Hỏi người đó tại sao có sức mạnh như thế? Ngài giải thích: “Bởi vì người kia tinh thần thuần thực không tạp mà thôi.” Vì người đó chỉ rắc rờng một màu, không có gì chen lẫn nên mới được như thế. Ngài nói: “Kẻ vì đạo cũng vậy, ví như con Sư tử chụp voi, nó dùng toàn lực.” Khi Sư tử muốn chụp voi, nó phải lấy hết sức mạnh của nó thì mới chụp được. Nhưng nếu nó chụp một con chuột thì sao? Thường chúng ta nghĩ, chỉ phải dùng sức nhẹ thôi. Nhưng thật ra nó cũng phải dùng toàn lực. Như vậy dù chụp voi hay chuột, nó đều dùng toàn lực của nó. Như vậy toàn lực là gì? Đáp: “Toàn lực chẳng dối.” Là ngầm ý vận dụng hoàn toàn khả năng của mình, không để một sai sót nào có thể làm yếu sức mạnh toàn lực đó. Và Ngài nói rằng: “Nếu thấy một mảy lông khác nơi tâm thì cũng tự tan thân mất mạng?”

Tôi nói lại đoạn này cho dễ hiểu hơn. Ở thí dụ đầu, sở dĩ người gánh nặng 120 cân đi qua cây cầu khi mà không run, không bị nghiêng là vì người đó có sức

manh, và sức mạnh đó do họ đã dùng toàn sức lực của họ trong khi gánh qua cầu. Đến thí dụ sau, con Sư tử dù cho bắt chuột, thỏ cũng như voi, đều phải dùng toàn lực. Do đó, người tu chúng ta cũng vậy khi đi, đứng, ngồi, nằm trong mọi trường hợp, mỗi phút giây nào chúng ta đều dùng toàn lực. Toàn lực chính là sống với tâm thể hoàn toàn (lúc nào mình cũng làm chủ), không bị một niệm khác chen vào. Bởi chúng ta có một niệm khác chen vào thì đã tán thân mất mạng. Giờ đây thử nghiệm lại chúng ta tu hành đã có dùng toàn lực hay chưa? Đa số chúng ta dùng chưa hết bán phần, chớ đừng nói toàn phần. Cả ngày chúng ta cứ sống với những niệm, những tâm khác nên toàn lực của mình khuất lấp đi. Toàn lực đó chỉ cho tâm thể của chúng ta. Do đó mà chúng ta bị yếu đuối, bị khổ sở. Vì tâm lực chúng ta không có đầy đủ. Mà Ngài nói: “Lực này rất lớn,” nhưng “vì vô biên ác giác xâm lấn nên khiến lực dụng có kém.” Lực dụng của tâm thể rộng lớn thênh thang, nên trong Luận Đại Thừa Khởi Tín gọi là thể đại, tướng đại, dụng đại. Nó to lớn như vậy. Nhưng vì những ác giác, hay nói gọn hơn là vô biên vọng tưởng ngoa xâm lấn mái nên khiến cho lực dụng phải yếu kém. Cho nên chúng ta khi tu cứ nghĩ rằng phải có suy nghĩ, có tính toán thì mới khôn ngoan. Nhưng thật sự, chính ngay khi không có những vọng tưởng, đó là chúng ta đã dùng toàn lực. Mà toàn lực đó mới to lớn vô ngần, nên diệu dụng vô lường. Còn niệm nghĩ tính của mình nó bé nhỏ theo từng cảnh, từng việc và tâm niệm vọng tưởng, tâm mình duyên theo đó mà hiện hình. Tuy chỉ tâm vọng tưởng, mà chúng ta còn chế được những cái diệu dụng phi thường, như chế bom nguyên tử, phản lực cơ... Huống nữa là chúng ta sống với tâm chân thật kia, thì lực dụng của nó biết chừng nào! Vì vậy ở đây Ngài nói rõ thêm. “Nếu không có nhiều pháp khác, trạng khác, duyên khác, niệm khác thì tùy tâm biến chuyển tự tại vô ngại.” Sở dĩ chúng ta không được tự tại vô ngại là vì chúng ta bị các thứ pháp khác, các trạng thái, các duyên, các niệm khác chi phối chúng ta. Nếu như không có các thứ pháp khác, trạng thái khác, niệm khác dấy lên, thì ngay lúc đó tâm thể chúng ta chuyển biến tự tại vô ngại.

Tóm lại, đoạn này Ngài muốn chỉ cho chúng ta thấy, người học đạo, không nên lượm lặt những câu, những lời của cổ nhân rồi cho đó là đạo! Mà chúng ta

phải sống thật với tâm thể của chính mình. Nếu chúng ta sống được với tâm thể, là chúng ta đã dùng toàn lực, tức là toàn sức lực của tâm thể.

Còn bằng không chúng ta cứ để cho vọng tưởng chen lấn mãi mãi, là chúng ta đã bị chi phối bởi ngoại cảnh, và nội tâm, tâm lực do đó mà suy kém đi và chúng ta mất tự do, tự tại, vô ngại. Cho nên người nào mà sống được với tâm thể rộng lớn đó, người ấy mới chính là người tự do, tự tại. Tức là vô sự.

“Đạo chẳng cần khổ cầu, cầu đó liền mất đạo. Sự không cần tiêu dung, tiêu dung thì sự có. Chẳng cần tiêu dung là đạo cùng sự hội, thì sự nào mà chẳng phải đạo. Ví như có kẻ mắt sáng vào trong kho mà không biết phương tiện là không có đèn đuốc soi sáng, vào trong liền bị đung u đầu, trầy tay. Như thế gọi là hang độc. Chớ chẳng phải kho báu. Người trí vào kho cầm theo đèn đuốc soi sáng, thấy các thứ báu mặc tình lượm lấy, lượm báu đi ra. Người tu trong 12 giờ phải dùng trí sáng chớ để 6 trần đung chạm đến.

Thử xưa Thượng tọa Vĩnh cùng Từ Minh đồng từ giả Phần Dương, mà Vĩnh chưa tột chỗ diệu kia. Vĩnh theo Từ Minh 20 năm, trọn chưa an lạc.

Một hôm, ngồi quanh lò lửa đêm khuya, Từ Minh lấy đũa gấp than, gõ trên than gọi:

- Thủ Tọa Vĩnh!

Thủ tọa Vĩnh bèn quát:

- Dã hồ tinh.

Từ Minh bèn chỉ Vĩnh bảo:

- Kẻ khờ! Lại thế ấy đi!

Vĩnh do phương tiện này được cứu cánh, song vẫn bảo theo nhau. Từ Minh ở đâu thường ra thưa hỏi. Những câu Từ Minh hỏi, chúng không thể đối được. Vĩnh tới Từ Minh liền gật đầu hứa khả.

Đây gọi là liều thuốc không bệnh. Học giả đương thời khó nhận được yếu chỉ kia, huống là bọn tri kiến hội giải ở đời sau, do đâu nhận lãnh được việc ấy? Được đó phải như Vĩnh, cho thuốc thì phải như Từ Minh thì mới nên vậy.”

Ở đây Ngài chỉ rõ: “Đạo chẳng cần cầu khổ” vì “cầu đó liền mất.” Nếu chúng ta đi tìm đạo là chúng ta đã mất đạo. Nên trong nhà thiền hay thí dụ: “Cởi trâu đi tìm trâu.” Vì đạo là gì? Là tâm thể chân thật, mà tâm thể đó, vừa dấy niệm đi tìm đã bị khuất, bị lấp rồi. Cho nên, chúng ta chỉ dừng, đừng cho vọng niệm dấy lên, chen vào, thì đạo hiện tiền chớ không đâu xa. Đến đây, Ngài nói về sự tương: “Sự không cần nhọc nhằn, tiêu dùng thì sự có.” Chúng ta, những người mới học đạo khi nghe nói, phải thấy các pháp giữa này là không, chẳng thật có. Như vậy thì mình mới gần được với đạo. Vì vậy cho nên, thấy cái gì mình cũng không chấp nhận sự hiện hữu của nó. Chẳng hạn như cái bàn, cái ghế, cái nhà. v.v... Mình đều nói không có. Tương chối bỏ như vậy là đã tiêu dung nó. Ngờ đâu chúng ta càng chối bỏ nó chừng nào nó càng hiện hữu chừng nấy. Thế nên người học đạo phải biết, phải khéo tiêu dung, trí huệ mà nhìn thì khi đó, chúng ta không cần tiêu dung, mà nó tự tiêu dung. Vì vậy nên nói: “Sự không cần tiêu dung, tiêu dung thì sự có.” Tôi thí dụ một cái nhỏ cho quý vị thấy: Chúng ta có một người bạn láng giềng, chúng ta không ưa thích, mỗi khi nhớ đến người đó, thì chúng ta đâm ra bực bội, thì chúng ta tưởng như không có người đó, hay là người đó không ở gần mình. Nhưng khi ý mình tưởng như vậy, thì họ có hay không? Vì họ nên mình mới nghĩ, mình cố trốn tránh họ. Bởi cố trốn tránh họ nên người đó trở thành sự thật! Họ và mình. Giờ đây chỉ cần nhìn thẳng vào sự thật, hay nhìn thẳng vào nó, mà nhìn thẳng vào nó tức thì tự nó sẽ tiêu dung. Cho nên: “Chẳng cần tiêu dung là đạo cùng sự hội, thì sự nào mà chẳng phải đạo?” Giờ đây chúng ta biết rõ, người cảnh đều duyên hợp, mà duyên hợp thì đâu có thật. Đã không thật thì chúng ta muốn cho nó mất để làm gì? Chỉ cần biết rõ không thật thì tự nó mất, không cần phải tiêu dung. Đó là chúng ta đã dùng trí huệ mà nhìn thẳng vào sự thật. Còn muốn cho nó mất, bằng cái niệm trốn tránh, hay tưởng tượng như nó là không, thì càng muốn nó mất, nó lại càng có. Cho nên người học đạo phải thẳng thắn mà nhìn thẳng vào sự vật để thấy sự thật của nó (mà sự thật của nó là hư giả) thì sự với đạo mới hợp. Như chúng ta đọc Bát Nhã: “Sắc tức thị Không.” Sắc là sự, không là lý; lý ngay nơi sự, sự ngay nơi lý; ngay nơi sự đó, đã hiển bày lý rồi, thì còn muốn

tiêu cái gì, dung cái gì? Do đó, ở đây Ngài dùng thí dụ: “Nhu người có mắt sáng, nhưng trong nhà không đèn đuốc. Thành ra tuy mắt sáng nhưng trong nhà không đèn, đuốc, nên không lấy được của báu. Khi trở ra của báu không có mà mình còn có bệnh. Thế là kho báu đó đã trở thành hang độc. Cũng người có mắt sáng, thêm có phương tiện đèn đuốc, nên vào kho báu, họ biết chỗ nào có của báu và lấy đầy túi, trở ra an lành tự tại. Đèn đuốc ở đây thí dụ cho trí huệ. Chúng ta có trí huệ thì đối với đạo, không tốn công mà dễ đạt. Còn không trí huệ thì nhọc nhằn mà khó tìm. Đây là chỗ mà nhiều người không hiểu. Tôi nói lại lần nữa cho quý vị rõ.



PHẦN 6

Hiện giờ chúng ta tu có hai cách:

Cách thứ nhất: là tin Phật, tin nơi phương pháp nào đó, rồi cố gắng tu, chẳng hạn như phương pháp tọa thiền đếm hơi thở. Ngày ngồi 6 giờ đồng hồ, đêm 6 giờ. Như vậy đêm ngày 12 giờ. Nhưng công phu đó đối với đạo gần hay xa? Khi ngồi thì cố gắng đếm cho tâm nghiêm chỉnh, nhớ số rõ ràng, nhưng vẫn không thấy người, cảnh duyên hợp như huyễn. Do đó khi gặp việc không như ý, tuy cố đề mà ngồi cũng nhớ mãi, cố đề mà đề không nổi. Vì còn thấy cái gì cũng thật. Như vậy tuy dụng công nhiều nhưng đối với đạo còn xa xôi.

Cách thứ hai: Có người ngồi thiền ít hơn, nhưng họ nhìn sự vật bằng trí Bát Nhã. Thấy rõ tất cả đều duyên hợp không thật, biết mình giả, cảnh cũng giả, nên không có việc gì làm cho họ bận tâm, hay quyến luyến, họ bỏ một cách dễ dàng. Như vậy công ít mà kết quả nhiều, bởi có trí huệ lớn. Qua hai thí dụ trên là: Người có mắt sáng vào kho báu có đèn đuốc, và người vào kho báu không đèn đuốc. Quý vị đã thấy rõ sự tốn công nhiều, hay tốn công ít của sự tu hành.

Khi tôi giảng ở đây, có một số người nói: “Tôi nói cái gì cũng không, như vậy tu ở đây là chấp lý, bỏ sự.” Không ngờ trong suốt 49 năm đức Phật thuyết pháp. Ngài đã dành 22 năm để nói kinh Bát Nhã. Như vậy để chúng ta thấy, Bát Nhã là một thời gian quan trọng nhất khi đức Phật nói Kinh. Nhằm chỉ người nhận ra được đường lối tu hành, tức là sống với trí huệ. Có trí huệ thì mới gần với đạo. Giờ đây quý vị hãy thí nghiệm nơi mình thì sẽ thấy được tầm quan trọng của trí huệ. Chúng ta ngày đêm 6 thời, hoặc cố gắng tụng Kinh, hoặc cố gắng ngồi thiền đầy đủ. Nhưng không dùng trí huệ Bát Nhã để quán chiếu. Tuy công phu có nhiều, phước đức có nhiều, nhưng gặp cảnh thuận (thuận ý) chúng ta dễ xao xuyên, gặp cảnh nghịch (trái ý) dễ sanh các phiền não. Trái lại, nếu mỗi ngày gặp việc, mỗi lúc đối cảnh chúng ta đều dùng trí Bát Nhã mà nhìn, mà quán chiếu thì chúng ta thấy nó hơi nhàn. Tuy nhiên khi gặp việc đối cảnh, lại ít sanh phiền não. Đó là một sự thật. Do vậy, ở đây Ngài mới dẫn câu chuyện của thủ tọa Vĩnh và Ngài Từ Minh.

Hai vị là đệ tử của Ngài Thiện Chiếu. Ngài Từ Minh đã ngộ đạo rồi, còn thủ tọa Vĩnh vẫn chưa ngộ.

Khi Ngài từ Minh đi nơi khác để hoằng hóa. Thủ tọa Vĩnh cũng đi theo, mà ngót 20 năm vẫn chưa ngộ đạo hoàn toàn.

Ở Trung Quốc vào mùa đông. Buổi tối các Ngài hay ngồi quanh lò sưởi để sưởi.

Khi đó Ngài Từ Minh lấy cây đũa sắt gắp than, rồi chỉ lên hòn than gọi:

- Thủ tọa vĩnh! Thủ tọa vĩnh!

Tưởng Ngài Từ Minh nói đùa nên Vĩnh liền nói:

- Giả hồ tinh!

Ngài Từ Minh nói:

- Kê khờ! (Vì chưa giải quyết xong còn đang ôm ấp cái nghi ngờ, chưa thấy được đạo cứu cánh, nên gọi: kê khờ). L?i như thế ấy đi! (lại như hòn than này đi!)

Thủ tọa Vĩnh ngay đó liền ngộ. Vậy Ngài Từ Minh muốn nói cái gì? Là bảo phải thấy đạo bằng trí huệ, chớ đừng bằng niềm tin, vì bằng trí huệ thì Ông sẽ được an lạc. Cũng vậy, nếu chúng ta đến với đạo bằng niềm tin. Nghĩa là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, rồi cố gắng y nơi đó tu thì phước chúng ta có. Nhưng với đạo khó gần. Còn chúng ta dùng trí huệ, thấy cái hay của Phật pháp rồi nhận nơi đó, nhận được cái sẵn có nơi mình (vì bao nhiêu kinh Phật, bao nhiêu lời Tổ đều là chỉ lẽ thật đó). Như vậy chúng ta mới gần với đạo. Cho nên khi thủ tọa Vĩnh nhận ra ý chỉ của Ngài Từ Minh là chỉ mình như hòn than, sự biết và hằng sống với trí huệ đó. Về sau Ngài Từ Minh hỏi câu nào, chúng đáp không được, khi thủ tọa đi đến thì Từ Minh đều gật đầu. Vì người, đã sống với trí huệ như vậy, thì đi, đứng, nằm, ngồi gì cũng hợp với đạo, chưa cần nói mà đã hợp rồi. Còn chúng ta bây giờ, thì vào đạo với niềm tin hay trí huệ? tin Tam bảo là có phước, tụng Kinh, Niệm Phật là có phước, cúng dường là có phước, đó là vào đạo bằng niềm tin, chớ không bằng trí huệ. Cho nên, chúng ta đã học và hiểu, thì phải dùng trí huệ mà mở mắt, vì có trí huệ, chúng ta mới giải quyết được tất cả phiền não. Nếu chúng ta chỉ biết, lấy công phu tụng kinh cho nhiều, niệm Phật cho lắm, cho là có phước. Nhưng

không biết dùng trí huệ để quán chiếu, ngôn ngữ là hư giả, người cảnh là hư giả. Khi ta gặp những việc, những lời trái ý, chúng dễ sân. Cho nên, thấy sự việc thấy người, thấy mình đều thật thì khó tu vô cùng, tu chỉ là có phước chớ không thể giải thoát được. Vì vậy muốn giải thoát, phải đặt trí huệ lên trên, do đó mà trong lục độ, tuy trí huệ là sau hết nhưng nó trùm cả 5 độ kia. Vì bố thí mà thiếu trí huệ, thì bố thí không thành Ba La Mật. Trì giới mà thiếu trí huệ, thì Trì giới cũng không thành Ba La Mật...

Có như vậy chúng ta mới thấy được đạo lý của Phật dạy: chúng ta đã học đạo giác ngộ mà thiếu trí huệ, thì làm sao giác ngộ? Chính trí huệ mới cởi tất cả phiền não cho mình và mới đưa đến chỗ hoàn toàn giác ngộ. Cho nên ở đây Ngài nói: “Học đạo phải như Thượng tọa Vĩnh, cho thuốc phải như Từ Minh. Vì biết người chưa được, còn đang nghi ngờ thì phải tạo phương tiện làm sao, để cho người sạch hết nghi ngờ.

“Ở chỗ ồn được lặng, thì ở chợ xóm biển thành núi rừng, Phiền não biến thành Bồ đề, chúng sanh thành Chánh giác. Câu nói này người mới học đạo đều nói được, hiểu được, đến khi thực hiện một thứ thấy biết bình đẳng và buông xả tâm ấy thì thấy Phàm Thánh vẫn là hai như xưa. Lặng và động đều là dụng khác. Thế là càng biết rõ là, giải hội cần phải có chỗ an ổn mới được một vị, không nên gắng hội.”

Ở đây Ngài nói câu mà chúng ta thường nghe: “Ở chỗ ồn được lặng thì chợ, xóm biển thành núi rừng, Phiền não thành Bồ đề, Chúng sanh thành Chánh giác.” Chẳng hạn như chúng ta bây giờ ở chỗ vắng vẻ tu. Có người hỏi: Cần gì phải ở nơi vắng vẻ, ở chợ tu được mới hay, ở chợ mà không động tâm mới là tu thật. Như vậy thì phiền não tức Bồ đề, chúng sanh tức thành Chánh giác. Còn ở trên núi mà tu thì có gì hay? Nói câu nói đó cũng được, nhưng thực hiện câu nói đó là một việc khác. Vì, đến khi thực hiện một thứ thấy biết bình đẳng và buông xả tâm ấy, thì thấy Phàm Thánh vẫn là hai như xưa, lặng và động đều là dụng khác. Giờ đây quý vị thử thí nghiệm thì sẽ thấy.

Khi quý vị ngồi một mình ở chỗ lặng lẽ như trên núi này, và dụng công phu (chữ dụng công ở đây tôi nói theo nghĩa thông thường), quý vị thấy có an được một chút. Nhưng sau đó, năm, bảy huynh đệ đến chơi và ngồi nói chuyện. Tuy không nói, nhưng cuộc nói chuyện ồn ào đó. Quý vị thấy mình có được an như lúc trước không? Đây là đồng một cảnh. Cùng ở trên núi, chỗ một người và nhiều người đã khác đi rồi. Huống nữa ở giữa chợ có biết bao nhiêu chuyện.

Vì vậy, chúng ta ai ai cũng có thể nói, nhưng chúng ta nên nhớ, nói được chưa hẳn đã làm được. Cho nên: “Cái hội cần phải có chỗ an ổn mới được một vị.” Người giải hội (hội ở đây có nghĩa là hiểu, là ngộ) do học hay nghe Thiện tri thức nhắc nhở mà mình lãnh hội được, thì cần phải có một cảnh an ổn, lâu dài mình mới thuần nhất. Đó là sự thật mà Ngài nhắc cho chúng ta phải thật tình mà thấy, chớ đừng có lầm lẫn. Bởi chúng ta có cái bệnh hiểu được chút ít, là tưởng mình đã xong. Nhưng đến lúc nhớ lại thì những cái mình hiểu lúc trước, giờ đây nó biến đâu mất! Đó là mình chưa hoàn toàn sống với tâm thể chân thật mà mình tưởng đã được.

“Gần đây nhiều người lấy vấn đáp làm gia phong thiền gia, chẳng rõ việc của người xưa, một bề chạy theo ngọn ngành, không biết trở lại, thật là quái lạ! Người xưa vì mê mà hỏi. Chỗ hỏi cầu chứng nhập, được một lời, nửa câu, đem làm việc nghiên cứu phát minh khiến cho thấu triệt, không có giống người thời nay hỏi loạn, chụp lấy câu đáp rồi cười đùa.”

Ở đây Ngài nói, có nhiều người đến hỏi đạo, nhưng không vì đạo mà hỏi. Họ chỉ hỏi để mà hỏi, hoặc hỏi để đùa chơi. Thành ra việc hỏi đạo đó thật vô ích. Ở chỗ này, tôi cũng nhắc cho tất cả quý vị xuất gia rõ, chúng ta phải cẩn thận khi trả lời những câu hỏi, biết câu hỏi nào chúng ta nên nói và không nên nói. Nếu người đến hỏi đạo, hỏi để lấy hơn thua. Chúng ta nên im lặng, chịu làm kẻ dốt. Còn nếu để đùa chơi, thì mình càng nên dốt hơn nữa. Chúng ta chỉ trả lời cho những người vì mê mà hỏi, vì muốn giải nghi ngờ để tu hành.

“Kẻ đạt giả trong 12 giờ học đạo, không có một khoảnh khắc buông xả, người này dù chưa được vào, mà mỗi niệm là tu hành. Tầm thường nói tu hành,

chẳng qua ba nghiệp, 6 căn thanh tịnh. Thiên môn không thể như thế. Vì sao? Vì môn thiên định, niệm niệm cùng trí ba la mật bình đẳng, tất cả chỗ tự không lỗi lầm, hằng lâu bỗng có ngày tâm địa thông minh, từ trước thấy được đầy đủ, gọi là nhất hạnh tam muội. Người thời nay toàn là sức định, lại chẳng mở con mắt trí huệ, có những cơ duyên ngữ cú, chỉ thành tranh luận, tâm hành sanh diệt.”

Ở đây Ngài nói: “Kẻ đạt giả trong 12 giờ học đạo không có một khoảnh khắc buông xả (buông lời), người này dù chưa được (đạo) vào, mà mỗi niệm là tu hành.” Người học đạo trong 12 giờ phải luôn luôn cần mẫn, không có buông xả, tức hằng làm chủ được tâm mình. Còn chúng ta trong 12 giờ, thì bỏ ít nhất 9 giờ, tu 3 giờ là tu tối đa. Thậm chí loạn luôn hết 12 giờ!

“Tâm thường nói tu hành, chẳng qua 3 nghiệp, 6 căn được thanh tịnh.” Ngài nói, thường chúng ta tu lâu nay là tu cái gì? Là giữ cho 3 nghiệp, 6 căn được thanh tịnh là trên hết. Nhưng ở đây, trong nhà thiên cũng không chấp nhận. Tại sao? Vì “Cái môn thiên định này mỗi niệm, mỗi niệm, cùng trí Ba la mật bình đẳng, tất cả chỗ tự không lỗi lầm.” Môn thiên định mà chúng ta tu hiện giờ là, mỗi niệm, niệm nào cũng bình đẳng với trí Ba la mật, không phải chỉ thanh tịnh với 6 căn là được, thanh tịnh ba nghiệp là xong. Bởi nếu 3 nghiệp, 6 căn thanh tịnh thì chúng ta chỉ có định chứ chưa có huệ. mà trí huệ bình đẳng, mới là cái trí huệ nhận được tâm thể lặng lẽ nhất như. Và sống được với tâm thể lặng lẽ nhất như, thì khi nhìn cảnh, nhìn người, chúng ta đều thấy là tướng duyên hợp hư giả. Đó là “Nơi nào cũng không lỗi lầm.” Vì nơi nào cũng có tâm thể bình đẳng đó. Nếu chúng ta sống được với trí Ba la mật, mỗi niệm phù hợp với trí Ba la mật bình đẳng này lâu ngày thì, “Bỗng có ngày tâm địa thông minh, thì từ trước thấy được đầy đủ, gọi là nhất hạnh tam muội.” Do đó, chỉ một hạnh này mà đầy đủ tất cả những cái chánh định.

“Người thời nay toàn là sức định. Cố giữ cho 3 nghiệp, 6 căn thanh tịnh thôi. Lại chẳng ở con mắt trí huệ, có những cơ duyên ngữ cú chỉ tranh luận, tâm hành sanh diệt.” Vì gần đây có những người học đạo, đạo không thông, pháp tu chưa chứng, nhưng nghe người tu pháp khác mình lại bác. Thí dụ như người tu

Tịnh độ nghe nói tu Thiền thì bác: tu Thiền đi đến đâu? Chết không được vãng sanh. hoặc giả người tu Thiền lại bác người tu Tịnh độ. Đó là chỉ trích trên tâm hành sanh diệt, chớ không có con mắt trí huệ. Nếu chúng ta có con mắt trí huệ thông suốt, thì việc mình, mình phải giải quyết cho xong, có thì giờ đâu để đi công kích người? Chẳng hạn chúng ta hiện đang tu Thiền ở đây. Nhưng nghe có vị tu Tịnh độ hay trì chú, hoặc tu (Thiền) Thoại đầu, Khán công án... Thì chúng ta không thích và công kích người đó liền. Vì lo công kích người, nên đâu có thì giờ tu.

Bởi muốn công kích người, chúng ta phải tìm cách để lý luận, làm sao cho hơn người, thế là, càng công kích càng xa với đạo! Chỉ có người biết đạo là tự xoay lại mình, để giải quyết việc mình cho xong. Sau đó, ai muốn đi theo con đường của mình, thì mình sẵn sàng giúp đỡ họ, bằng người không muốn thì thôi. Chúng ta phải tôn trọng tự do của người, đừng bắt người theo mình, đó là cái xấu nhất trong nhà đạo. Giả sử mình được rồi, mà thấy người đi đường khác, cũng không có quyền bắt người theo, huống là mình chưa được, chuyện vô lý làm sao! Như vậy, lại có nhiều người thích công kích. Chính tôi là một nạn nhân bị công kích!

Có một Ông Sư nghe nói ở đây tu Thiền, nên đến thăm. Đến nơi, sau vào câu chuyện thì vị đó hỏi tôi: “Thầy dạy tu Thiền, vậy có dạy niệm Phật hay không?” Tôi thật thà đáp: “Chủ trương của tôi, dạy môn nào một môn thôi. Một mình mà ôm nhiều môn quá, e làm không xong. Nên tôi chỉ dạy một môn tu Thiền, còn niệm Phật thì có quý Hòa Thượng khác dạy.” (Nghe câu hỏi quý vị tinh ý biết là ai rồi? Những bản dịch nào của vị ấy, đều đề câu: “Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung...”) Vị ấy nói: “Tu Thiền mà không niệm Phật thì không bao giờ đạt được, còn tu Thiền mà niệm Phật nữa, thì như cọt mọc sừng.” Xong lại dẫn trong Kinh nói: “Người tu Thiền như con kiến, từ dưới đất bò lên gốc núi, còn người niệm Phật như là chiếc thuyền có buồm, xuôi gió, thuận nước, dương buồm lên là chạy đến nơi. Vì vậy tu niệm Phật mới được.” Tôi hỏi: “Thầy thấy đó, Kinh nào nói?” Vị kia ngẩn ra, vì không biết Kinh nào (chính vị Sư đó, hiện thời cũng

không niệm Phật, tụng Kinh được vì đau phổi nặng). Quý vị thấy, ở thế gian có nhiều chuyện là đời, ở trong đạo cũng giống như vậy. Không hiểu chính mình đang làm việc đó là được không mà nghe nói ai làm khác hơn là chống chỏi. Trong khi chính pháp môn của mình, mình vẫn chưa nắm vững, chưa chắc đã thành công. Rõ ràng là người không có con mắt trí huệ, đó là bệnh!

“Thiền học chẳng phải việc nhỏ bé, chưa có cái dụng siêu Phật, vượt Tổ. Được rồi cần siêu, vượt cũng chẳng khó. Cao Bru Tôn Thừa Vụ biên thư hỏi tôi: “Chẳng rời ý tưởng, chẳng ở có không, thế nào là phải?” Tôi tự đáp: “Nếu hỏi thế nào, cũng chẳng phải.” Khách say khiến tỉnh thì thân châu tự sẵn đủ, đâu có thể dự tính làm rồi sau mới nhận. Người lanh lợi bậc nhất, tầm thảo chẳng đến một niệm này, khéo được tự thấy, thấy đó tức phải, không riêng có lối tẻ. Bọn tầm thường cho niệm trước là phải, lấy niệm sau soi đó, trước sau đuổi nhau, lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh. Cái nguyên tắc buổi đầu đã thành tâm cảnh rồi, lần lượt, lại chẳng kham.”

Đoạn này rất thiết yếu cho sự tu, Ngài nói tu Thiền học là một việc lớn. Nếu chúng ta chưa có cái dụng siêu Phật, vượt Tổ, nhưng khi chúng ta đạt đạo rồi, thì cần siêu Phật, vượt Tổ vẫn có cái dụng đó. Chỗ này chúng ta nghe như là kiêu mạng, vì như vậy chúng ta siêu vượt hơn Phật, Tổ nữa sau? Thực ra nói siêu Phật, vượt Tổ là nói khi chúng ta sống hẳn được với tâm thể rồi, thì tự có đầy đủ những dụng siêu thoát, không khó khăn. Còn chúng ta chưa sống được với tâm thể, mà muốn có dụng siêu thoát đó là việc vô ích.

Ở đây tôi nhắc cho quý vị biết. Có hai hạng người tu. Một là hạng chạy theo ngọn, hai là trở về gốc.

Hạng thứ nhất: Khi nghe Phật, Tổ, các vị A La Hán có tam minh, lục thông, nên khi tu hành thì thích có thần thông như: Làm sao bay được, làm sao biết được tâm người khác... Cho những cái đó là siêu việt. Đây là người căn cứ trên ngọn mà tu. Vì trong Kinh Phật nói: “Thần thông diệu dụng”, chỉ là cái dụng của tâm thể thôi.

Hạng thứ hai: Khi chúng ta sống được với tâm thể, thì những thần thông diệu dụng đó, không cầu mà tự có. Trái lại, chưa sống được với tâm thể, mà chúng ta cầu thần thông, thì dễ lạc vào đường tà. Bởi Ma cũng có thần thông, khi biết chúng ta muốn thấy Phật, thì nó hiện Phật, muốn bay nó làm cho bay... Chúng ta làm sao biết Phật, hoặc cái bay đó là chánh hay tà? Vì vậy, có những người tu Thiền mà điên cuồng. Là vì họ mong vào cái dụng. Giờ đây chúng ta trở về gốc, tức là trở về với tâm thể lặng lẽ, thăng thang thì vô lượng diệu dụng sẽ tự đầy đủ, đâu có gì quyến rũ được chúng ta, đâu có gì làm chúng ta rơi lạc?

“Ông Cao Bưu Tôn Thừa Vụ biên thư hỏi Tôi: Chẳng rời ý tưởng, chẳng ở có không, thế nào là phải?”

Ông hỏi Ngài Phật Nhãn: “Nếu bây giờ tu mà tâm mình không rơi vào ý tưởng, không chấp vào có không, thì thế nào là phải?” Ở đây Ngài đáp: “Nếu hỏi thế nào, cũng chẳng phải?”

Vì ông có hỏi thế nào, tức là ông chẳng phải rồi! Chẳng hỏi thế nào cũng chẳng phải! Tôi thí dụ, về đoạn này: Như hiện giờ quý vị ngồi đây, và nhìn thấy trên bàn có ly nước. Tôi bảo: Quý vị có thấy ly nước không? Quý vị nào mắt sáng nhìn trên bàn đều thấy.

Nhưng có vị, còn hỏi lại. Cái ly đó có phải ly nước hay không? Như vậy quý vị chưa thấy hoặc thấy chưa rõ, phải không? Vì vậy mà nói hỏi: “Tu thế nào, tức là chưa phải, không hỏi tu thế nào, cũng chưa phải.” Vì thế nào ahy không thế nào, cũng là hai bên, mà còn hai bên tức là còn có không đối đãi. Cũng như hỏi phải hay chẳng phải là còn trong nghi ngờ chưa quyết định, há có thể phải được sao? Cho nên nói: “Khách say khiến tỉnh thì thần châu tự sẵn đủ.” Câu này trích trong Kinh Pháp Hoa, ở thí dụ hệ châu. Có một người nghèo được bạn đến thăm, hai người uống rượu với nhau cho đến say. Người bạn trước khi ra về muốn tặng hạt châu, nhưng thấy bạn của mình say quá, đành lấy hạt châu cột trong ché áo. Thời gian sau trở lại, thấy lang thang đói khổ nên nói với bạn: “Tôi đã cho anh hạt châu còn cột trong ché áo, tại sao anh không đem ra dùng. Do đó mới nói: “Khách say khiến tỉnh thì thần châu tự sẵn đủ.” Vì vậy người học đạo, nhất là Thiền tông này,

chỉ cần nhận ra kho báu của mình, thì cái gì mà chẳng đủ? Đâu cần hỏi phải, hay chẳng phải? Còn hỏi phải, chẳng phải là còn trong trạng thái nghi ngờ, chưa nhận mình có hạt châu. Thế nên nói: “Đâu có thể dự tính làm rồi sao mới nhận.” Vì hạt châu vốn sẵn. Chúng ta không phải làm việc này, việc kia xong mới nhận ra hạt châu. Cũng như không thể nói tu hành phải trải qua 10 năm, 20 năm mới nhận ra được. Bởi vì có những người, đương là kẻ thể tục, mà chỉ nghe một câu nói, họ liền nhận ra. Thành ra nhận ra hạt châu đó không xa, không phải do công phu nhiều, mà chính là khéo nhận hay nói một cách khác là: Cần phải có Trí Huệ Bát Nhã.

“Người lanh lợi bậc nhất, tầm thảo chẳng đến niệm này, khó được tự thấy, thấy đó tức phải, không riêng có lỗi tẻ.” Ở đây Ngài nói: Dù cho người lanh lợi nhất thế gian, muốn suy nghĩ cho ra tâm thể này, người đó cũng không bao giờ tìm được. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật có nói: “Giả sử cả thế giới này có bao nhiêu người thông minh trí huệ như Xá Lợi Phất, cộng lại cũng không suy lường được trí huệ của Phật.” Câu nói đó có ẩn ý mà chúng ta không hiểu, chúng ta tưởng trí huệ của Phật cao lắm, nên cộng ba nhiều người lại cũng không bằng. Nhưng không ngờ, lỗi tại chúng ta suy nghĩ! Càng suy nghĩ, càng không thấy! Cho nên được trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất là ít có. Lại cả thế gian này, người nào cũng có trí huệ bằng Ngài, cộng lại vẫn không suy lường được trí huệ Phật. Vậy nên: “Người lanh lợi nhất thế gian muốn tầm thảo (tìm kiếm) niệm này, cũng không làm được. “Chỉ có người thấy đó tức phải.” Ngay đó nhận ra được, thì là phải, “Không riêng có lỗi tẻ.” Khi chúng ta nhận ra được tâm thể này, há còn có lỗi nào khác hơn nữa?

Bọn tầm thường cho niệm trước là phải, lấy niệm sau soi đó, trước sau đuổi nhau, lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh. Chúng ta có người tu theo lối tầm thường, cho niệm trước là phải, rồi lấy niệm sau mà soi niệm trước. Nghĩa là cứ lấy cái này mà soi cái kia. Tôi thí dụ: Như chúng ta lúc chưa dấy niệm cho là động, rồi lấy cái động để sai khiến cái tịnh kia, nhưng khi chúng ta lấy cái động để soi cái tịnh, thì cái tịnh đã thành cảnh bị soi (như vậy, niệm sau là niệm hay soi, niệm

trước là cảnh bị soi), vì vậy, tâm biến thành ra cảnh, là đã có hai. Do đó, trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Ngài cũng bác cái quán tịnh này. Chúng ta chỉ cần biết ngay cái niệm khởi đó là hư giả, mà không phải tìm niệm trước để làm gì (không phải tìm). Cho nên: “Nếu lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh.” Và: “Cái nguyên tắc buổi đầu đã thành tâm cảnh rồi, lần lượt lại chẳng kham.” Vì khi đã thành tâm, thành cảnh đã thành hai thì làm sao chúng ta dứt nó được?

“Nhu niệm sau chẳng nhận, tự không có chỗ khởi diệt, chính nơi đó là giải thoát. Niệm vốn chẳng sanh, sao lại có ý tưởng có, không làm lưu ngại? Một niệm ngộ tâm liền thành chánh giác, chính là nói nơi đây vậy. Niệm niệm không sanh, niệm niệm không tướng cùng với hư không đồng. Chạm vật gặp duyên đều là diệu dụng Phật. Không có mãi tư đối đãi. Hạt châu trong chéo áo, riêng soi sáng khắp thế giới mười phương. Việc này mục kích liền rõ, chẳng đợi dấy ý, sau rồi mới biết. Sự nghiệp Đại Trượng Phu này không thể thành tựu. Nếu muốn cầu phải, liền có pháp chẳng phải làm chướng ngại, muốn cầu đắc niệm, là lý do trước sau đều thất niệm. Ngày đêm không tự tại, câu cùng đạo hiệp, bệnh tại chỗ lấy một, bỏ một, kẻ không khéo dụng tâm chẳng được yếu thuật mờ mịt không hiểu, mỗi ngày cùng đạo càng xa.”



PHẦN 7

Đây Ngài chỉ yếu thuật của sự tu. Chỗ này để thấy cho rõ, nhận cho kỹ, thì việc tu của mình mới thành thoi mà mau tiến. Ngài nói: “Nhu hiện nay, niệm sau chẳng nhận, tự không có chỗ khởi diệt, chính nơi đó là giải thoát.” Niệm sau ở đây là: Niệm trước chúng ta không nhớ, niệm vừa muốn dấy lên khởi nghĩ thì gọi là niệm sau. Giờ chúng ta khởi đến cái gì? Chúng ta không theo nó, thì nó tự mất. Vì vậy: “Không có chỗ khởi, cũng không có chỗ diệt, và “chính nơi đó là giải thoát.”

“Niệm vốn chẳng sanh, sao có ý niệm có không làm lưu ngại?” khi chúng ta thấy rõ niệm dấy lên, thấy rõ niệm đó là không thật, không theo nó thì tự nó tan hoại. Như vậy cần gì phải khởi ý tưởng, nó là cái có hay không, để sanh ra trở ngại?

“Niệm ngộ tâm liền thành chánh giác.” Một niệm mà chúng ta ngộ được bản tâm thì liền thành chánh giác: “Chính là nơi đây vậy.” Vậy một niệm ngộ tâm là gì? Là vọng niệm dấy lên chúng ta biết ngay nó là giả, không theo nó để sống với cái thật (Chỗ này quý vị nghe nhưng ít để ý, nên không thấy nó quan trọng). Cho nên chúng ta mê tâm là ngược lại, quên cái thật mà chạy theo cái giả, quên tâm chân thật để chạy theo vọng tưởng, gọi là mê tâm. Giờ chúng ta thử xét kỹ lại. Trên thế gian này có bao nhiêu người không chấp nhận vọng tưởng làm tâm mình? Thường chúng ta hay nói: Tôi nghĩ thế này, tôi tính thế kia... Xác nhận cái nghĩ, cái tính đó, là mình, mà đã là tôi thì tâm chân thật kia là của ai? Do mê tâm mà chấp nhận cái hư vọng đó là mình, thì tâm thể kia chúng ta không bao giờ biết đến. Chúng ta hãy nhìn kỹ lại xem Ông bà, cha mẹ chúng ta, có giây phút nào không mê tâm chẳng? Nếu chưa học đạo thì người nào cũng vậy. Cứ cho những cái nghĩ là mình, rồi theo con đường đó suốt từ đời này, đến đời kia. Cho nên ngộ tâm là trở về tánh giác chớ không có gì lạ! Chúng ta đừng nghĩ chánh giác là giác cái này, cái kia ở bên ngoài. Chánh giác là ngay cái lâu nay chúng ta lầm tưởng nó là thật, là của mình. Bây giờ biết rõ nó chỉ là “Chú chàng hề. Ngay nơi cái giả đó chúng ta biết rõ “chú là giả, chú chỉ là những cái dụng nhỏ nhặt của cái tôi đó thôi, chớ không thật.” Khi chúng ta biết rõ những cái đó, không theo nó, tự nhiên là

mình trở về cái chơn thật, đó là trở về với đạo, là ngộ đạo. Nhưng chúng ta lại không quan trọng cái ngộ này, mà cứ nghĩ, ngộ là phải bừng sáng, có trí huệ biết tất cả mọi việc...

Chúng ta cứ mong cái ngộ đó mà không chịu thấy cái ngộ này. Song cái ngộ này đâu phải dễ thấy? Từ lúc sinh ra đến giờ chúng ta có thấy được hay không? Nếu chưa học đạo. Chúng ta cũng cứ cho cái nghĩ, cái tính đó là mình, chớ có bao giờ dám nói nó không phải là mình? Giờ đây thấy rõ nó chỉ là bóng dáng, không phải thật là mình thì tự nhiên nó hết và Ông chủ sẽ hiện tiền. Nếu quả thật chúng ta gan dạ chấp nhận tất cả những cái suy nghĩ đó là bóng dáng, không thật là mình, thì chắc rằng nhiều người ở chúng một nhà cũng không phiền não. Bởi vậy, nếu chúng ta hiểu đạo thì cả ngày lo làm việc của mình, có rảnh rỗi đâu mà ngồi nói hơn nói thua, nói phải nói quấy, chuyện người này chuyện người kia. Thành ra biết tu thì sống bao nhiêu người cũng êm đềm, cũng là đạo vị. Có hiểu như vậy, chúng ta mới thấy cái tu thật ở chỗ nào, còn không thì thấy tu làm sao mà ba năm, bảy năm rồi, vẫn còn sân? Vì mình cứ chấp cái nghĩ của mình là đúng, nhưng chính cái nghĩ của chúng ta bây giờ là đúng, mà lát nữa thì không phải. Chỉ cái nghĩ của mình thôi, buổi sáng thấy đúng, chiều lại sai, hướng nữa là với người khác. Thế mà mỗi khi nghĩ ra, chúng ta lại cho cái nghĩ của mình là chân lý, rồi bắt người khác tuân theo, nếu người không theo thì chúng ta liền nổi sân lên. Chuyện đó thật là không biết đạo đức! Vì biết đạo đức thì đâu có những chuyện như vậy. Đạo đức là trở về cái chân thật, phải cố gắng không chạy theo mê để mà tỉnh, chớ có đâu cứ ôm cái mê đó để chịu mê suốt đời hay sao?

“Niệm niệm không sanh, niệm niệm không tướng cùng với hư không đồng, chạm vật gặp duyên đều là diệu dụng Phật.” Nói: Niệm không sanh, niệm không diệt, niệm niệm không tướng, đã không sanh mà sao nói niệm niệm? Vì không niệm niệm tức có sanh rồi? Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói bài kệ, chống lại Ngọa Luân Thiên Sư. Vì Ông cho rằng đối cảnh, tâm không khởi suy nghĩ. Còn Tổ nói hằng suy nghĩ. Vậy ở đây muốn nói, chúng ta mới tu, tâm chưa lặng vì vẫn còn niệm, nhưng niệm dấy lên chúng ta đều biết là bóng dáng không thật, thì có

chỗ nào sanh? Chỗ nào diệt? Vì vậy nói: Niệm niệm nó là không sanh, niệm nó là không diệt, niệm niệm nó là không tướng. Bởi niệm là bóng dáng nên đâu có thật tướng? Mà không thật tướng tức rỗng rang đồng với hư không, là trở về tâm thể. Đã trở về với tâm thể thì khi chạm vật, gặp duyên liền dấy lên diệu dụng. Cho nên có câu chuyện: Bà già bán quán. Ngài Nam Tuyền, Ngài Ma Cốc. Một hôm các Ngài đến quán uống nước, Bà nói:

- Các hoà thượng trình thân thông thì mới được uống trà.

Các Ngài nhìn nhau, ngồi ngơ ngác.

Bà liền nói:-Coi Già trình thân thông đây! Bà vào lấy tách, rồi cầm bình trà rót vào tách.

Nếu chúng ta hằng thấy niệm là không sanh, không tướng, thì niệm đó đồng với hư không, là tâm thể rỗng rang, và khi sống được với tâm thể đó thì cái gì dấy lên chẳng phải là diệu dụng? Vì vậy Ông Bàn Long Uẩn nói: Gánh nước bừa củi đều là đạo.

Như vậy chúng ta thấy, đâu phải không niệm mới là đạo. Chính mỗi niệm dấy lên, biết nó không thật là chúng ta đã sống với đạo. Do đó Ngài nói: “Không có bằng mấy tơ đối đãi.” Vì nó không sanh, không tướng thì đối đãi cái gì. Sở dĩ chúng ta có niệm thiện, niệm ác, nghĩ tốt, nghĩ xấu, vì chấp nhận niệm hay những suy nghĩ đó là thật nên thấy có đối đãi. Giờ đây biết rõ nó là không thật thì còn gì đối đãi. Hạt châu trong chéo áo, riêng soi sáng khắp thế giới 10 phương. Hạt châu này dụ cho tâm thể. Cho nên tất cả chư Phật ra đời, vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sanh nhận ra được tâm thể của chính mình. Vì vậy mỗi niệm dấy lên, chúng ta biết rõ nó là bóng dáng sáu trần không thật, không theo nó thì tự nó rỗng thênh thang. Đó là hắt thân châu của chúng ta tự hiện bày. “Việc này mục kích liền rõ, chẳng đợi dấy ý rồi sau mới biết.” Tức là ngay đó nhận ra, không phải suy nghĩ gì nữa. “Sự nghiệp Đại Trượng Phu này không thể chẳng thành tựu.” Nếu mình nhận ra được như vậy, là thành tựu sự nghiệp của Đại Trượng Phu. “Nếu muốn cầu phải, liền có pháp chẳng phải làm chướng ngại.” Khi mình hỏi phải thì đã có không phải ngăn che. “Muốn cầu đắc niệm là lý do trước sau đều thất niệm.”

Thí dụ: Chúng ta muốn làm cho niệm nó yên, vừa nghĩ nó yên, tức đã bị cái niệm yên nó làm loạn rồi. Cho nên không cần niệm, chỉ biết nó hư giả không thật, không theo, tức nó tự yên. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ đâu chẳng nói: “Niệm dấy lên liền giác, giác liền là Phật.” Một niệm dấy lên mình giác thành một Ông Phật. Ngàn niệm dấy lên đều có giác thành ngàn Ông Phật, cho đến hàng hà sa số Phật. Vì vậy, không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm. Giác thì niệm tự hết, niệm hết tức là trở về tâm thể.

“Ngày đêm không tự tại, cần dùng thì đạo hiệp, cũng không có mảy nào để hiệp.”

Chúng ta tu cứ băn khoăn: Làm sao hiệp với đạo?

Nhưng đạo ở đâu mà hiệp? Nếu mình đòi hiệp với đạo thì đạo là một cái khác (bởi hai cái khác nhau mới hiệp với nhau). Nhưng đạo chính là mình thì hiệp cái gì? Chỉ không theo vọng thì đạo hiệp, càng cầu hiệp thì càng xa với đạo. Cho nên càng gấp càng chẳng hiệp, bệnh tại chỗ lấy một bỏ một. ”Là lấy chơn mà bỏ vọng.” Đa số chúng ta thường than thở: Tu mà vọng hoài thật là khổ, cho nên muốn cầu chơn để hết vọng. Bây giờ chỉ ngay nơi vọng, chúng ta biết thể vọng vốn là chơn, vậy cầu chơn làm gì? Càng cầu càng khổ mà không chỗ được. Cho nên nói: “Bệnh tại chỗ, bỏ một lấy một. Kẻ không khéo dụng tâm chẳng được yếu thuật, mờ mịt không hiểu, mỗi ngày cách đạo càng xa.” Yếu thuật ở đây là gì? Không theo vọng tưởng, cũng không theo chơn. Chúng ta khi đi, đứng, nằm, ngồi có bao nhiêu niệm dấy lên, vừa dấy liền biết nó là bóng dáng không thật (chỉ cần biết, chớ không phải nói: “Ồ chú là bóng dáng! Tôi không theo chú), lạng lẽ biết chính nó như vậy thì tự nó hết. Cho nên, đây là cái yếu thuật đơn giản mà có kết quả tốt.

“Nếu an tọa tinh thần, chẳng nhọc tự biện biệt.”

Đại Sư Đạt Ma bảo Ông Dương Huyền rằng:

Cũng chẳng bỏ trí mà gần ngu

Cũng chẳng bỏ mê mà đến ngộ

Đạt Đại Đạo chừ quá lượng

Thông Phật tâm chử vượt bực
Chẳng cùng phàm thánh đồng hành
Siêu nhiên gọi đó là Tổ.”

Ông Dương Huyền hỏi:

- Thế nào là đạo?

Ngài Đạt Ma đáp:

- Chẳng bỏ trí mà gần ngu, chẳng bỏ mê mà đến ngộ.

Vì có trí, có ngu là có hai, có mê, có ngộ là hai. Chỉ ngay cái ngu đó, chúng ta biết ngu thì thành ra trí. Ngay cái mê đó, chúng ta biết mê là ngộ. Người biết được như vậy thì đạt đại đạo, mà đại đạo này qua hạn lượng, qua sự suy nghĩ, qua sự xét lường của thế gian!

“Thông đạt Phật tâm chử vượt bực.” Người mà thông đạt Phật tâm thì người đó vượt bực. “Chẳng cùng phàm thánh đồng hành.” Vượt lên hai đầu Phàm Thánh. “Siêu nhiên gọi đó là Tổ.” Người được như vậy gọi đó là Tổ.

“Chẳng chấp bỏ một bên đến một bên. Phải biết rõ ràng rành rẽ. Rõ ràng tác dụng, nhận thẳng hội lấy, chuyển Phàm thành Thánh, điểm sắt thành vàng. Cần yếu được lối tắt, không thể chẳng như thế mà nghiên cứu. Chỉ e người người chạy theo hai đầu. Một đã chẳng thành, hai lại chẳng phải. Chẳng biết huyền chỉ luống nhập niệm tịnh. Nhị thừa do đoạn phiền não mà được chứng đạo, gọi là tu thiên lệch. Chẳng bằng ứng niệm liền quá thành vô thượng, hiểu biết ấy rất chóng.

Đây Ngài giải thích cho chúng ta biết, “Chẳng chấp bỏ một bên, đến một bên.” Đừng cho đây là vọng, tôi tìm chơn, đây là mê, tôi tìm ngộ. Chỉ ngay nơi vọng chúng ta biết chơn, ngay nơi mê mà biết ngộ.

“Phải biết rõ ràng rành rẽ, rõ ràng tác dụng, nhận thẳng hội lấy, chuyển Phàm thành Thánh, điểm sắt biến thành vàng.” Mình phải biết rõ ràng, rành rẽ chỗ đó, phải biết tác dụng đó, nhận thẳng nơi đó, hội lấy nơi đó, chớ đừng tìm ở đâu nữa. Được như vậy, thì chuyển Phàm thành Thánh, điểm sắt biến thành vàng. Cái diệu dụng của nó vô ngần. Cần yếu được lối tắt, không thể chẳng như thế mà nghiên cứu.

Người mong được lối thẳng tắt mà tu, phải như thế mà nghiên cứu, đừng chạy theo hai bên. Nên nói: Chỉ e người chạy theo hai đầu, một đã chẳng thành, hai lại chẳng phải. Nếu chúng ta chạy theo hai đầu, bỏ vọng cầu chơn. Chơn không thành chơn, mà bỏ vọng, vọng cũng không hết. Như vậy “Một không thành, hai chẳng phải,” cái nào cũng không xong. Lối tu này hơi khó. Có người nói tu phải có đối đãi như tốt trị xấu, thiện trị ác... Nhưng với người sơ chơn trong bước đầu thôi, còn đến chỗ cứu cánh thì đó là bệnh. Chúng ta tu ở đây là thoát khỏi sinh diệt. Nên mới dẫn ”Chẳng biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tịnh.” Trong Tín Tâm Minh Tam Tổ nói: Người mà không biết được yếu chỉ mâu nhiệm này, cứ nhọc nhớ về tịnh, càng nghĩ tịnh, lại càng không tịnh. Vì tịnh là cái không suy nghĩ, vừa suy nghĩ, nó là động rồi.

Nhị thừa do đoạn phiền não, chúng được gọi là tu thiên lệch? Hàng nhị thừa dùng phương tiện đoạn phiền não, còn có phiền não để trừ là còn có hai. Cho nên được đạo, chỉ là đạo đi một bên, chưa phải đạo cứu cánh.

Chẳng bằng ứng niệm liền hóa thành vô thượng. Niệm dấy lên dù nghĩ tốt, xấu, thiện, ác... ngay nơi niệm đó chúng ta tỉnh giác, thì niệm biến thành chân như vậy Ứng niệm liền hóa thành vô thượng.

Hiểu biết ấy rất chóng. Cái này chừng bao lâu? Người được như vậy rất mau. Đây là yếu thuật, mà từ trước đến nay, Thiên Sư nào cũng nói đến, nhưng chúng ta coi thường nó. Giờ đây, Ngài Phật Nhãn nhắc lại, chúng ta càng thấy rõ hơn, mà cố gắng thực hành cho được.

“Người tu hành khi gặp phiền não khởi thì phải làm sao? Cổ nhân nói: chỉ dùng chánh tri kiến trị nó. Tôi thì chẳng thế, chỉ dùng phiền não trị nó. Nhìn lại phiền não này, liền chẳng thấy có phiền não. Tại sao phiền não lại hay trị phiền não? Như lửa không thể tự đốt lửa, nước lại chẳng ứ đọng nước, vì thể tánh đồng một, không thể được hiện bày. Đây rõ vọng tưởng vốn không, chẳng cần trừ dẹp. Nếu khởi đoạn trị, đẽ bẽp, lại thành dụng tâm khác. Có đối đãi là bị hai cảnh lôi quanh, dù có được cũng cong vạy phân hạn. Người tu hành phải đi đường thẳng tắt là trên

hết. Cổ nhân nói: kiếp hỏa từng đem không hơi thổi, chẳng nhọc công lực liền đó chết. Đó là ý này vậy.

Người tu hành khi gặp phiền não khởi thì phải làm sao? Cổ nhân nói: chỉ dùng chánh tri kiến trị nó. Tôi thì chẳng thế, chỉ dùng phiền não trị nó. Thí dụ: Bây giờ sân, phiền não dấy lên, mình làm sao trị nó đây? Chúng ta không cần lấy cái gì khác để trị nó, mà chỉ cần tìm xem cái sân, phiền não nó ở đâu? Hình dáng nó ra sao? Ngay khi đó, thấy cái sân phiền não không thật. Tìm lại cội nguồn thì nó không có cội nguồn, nên chính nó tự tàn hoại. Như vậy lấy nó mà trị nó. Chính cái thuật đó, Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã dùng để an tâm cho Tổ Huệ Khả. Nghĩa là không cần đem pháp khác dạy an tâm, mà chỉ:

- Đem tâm Ta an cho.

Nhưng tìm lại không thấy thì đã tự an rồi. Đó là yếu thuật của nhà Thiền.

Đây đặt câu hỏi: Tại sao phiền não lại hay trị phiền não? Như lửa không thể tự đốt lửa, nước lại chẳng ướt nước, vì thể tánh đồng một, không thể được hiện bày. Đây rõ vọng tưởng vốn không, chẳng cần trừ dẹp. Thật ra chúng ta nói không tìm dẹp gì hết, vì ngay nơi phiền não mà biết phiền não là không thật, thì còn gì nữa mà trừ, không còn gì nữa mà dẹp. Thí dụ: Bây giờ mình đi trời nắng mà thấy có cái bóng, thì quý vị có nghĩ làm sao dẹp cái bóng này không? Chỉ cần biết bóng không thật, đi vào mát thì hết bóng, chớ có gì đâu mà phải dẹp?

Đừng nói làm sao cho hết bóng này, rồi chạy ra ngoài trời kêu la: làm sao cho hết cái bóng này giùm tôi. Chạy la như vậy có ích gì không? Làm sao hết? Càng chạy la, cái bóng nó càng hiện rõ ràng. Cho nên biết nó là bóng, bước vào trong mát thì nó hết.

Cho nên cái thuật tu nó rất đơn giản. Quý vị hiểu rồi mới thấy đây chính là đường thẳng (đường chim). Nó không quanh co, không dùng cái gì để trị cái gì hết. Lúc trước mình tu, mình quan niệm lấy cái này trị cái kia. Tu còn có đối trị, đều là tu theo lối quanh co, theo phương tiện. Tuy cái này cũng là phương tiện, nhưng là phương tiện đường chim. Cũng như từ đây về Sài Gòn, đi xe cũng là phương tiện, đi máy bay cũng là phương tiện, đi tàu cũng là phương tiện. Chiếc xe, máy bay,

chiếc tàu đều là phương tiện. Nhưng phương tiện chiếc xe, khác hơn phương tiện của chiếc tàu, phương tiện của chiếc tàu, khác hơn phương tiện của chiếc máy bay. Vì vậy thời gian dài ngắn có khác nhau, là ở chỗ đó.

Nếu khởi trí đoạn trị, đề bẹp lại thành dụng tâm khác. Nếu mà dùng trí để trị nó, đề nó, dẹp nó thì như vậy là dụng tâm khác, nghĩa là có hai tâm: cái tâm bị trị và cái tâm hay trị, phải vậy không? Mà như vậy thì nơi mình có hai người, đó là mình chưa sống trở về cái chân thật được.

Có đối đãi là bị hai cảnh lôi quanh, dù có được cũng cong vạy phần hạn. Chính chỗ này quý vị mới thấy tinh thần Đại thừa và Tiểu thừa (Hay Nhị thừa) có sự khác biệt. Chỗ cứu cánh của Nhị thừa là luôn luôn thấy: "Sanh tử đau khổ, Niết bàn an vui", cho nên phải gấp giải quyết sanh tử để cầu Niết bàn. Vì vậy nếu có được Niết bàn, chỉ là Niết bàn phần hạn như trong Kinh Pháp Hoa gọi là Hóa thành chớ không phải Bảo sở. Bởi vì nó còn nằm trong đối đãi, mà đối đãi thì đâu có trùm khắp? Còn chỗ cứu cánh của Đại thừa là gì? Là trùm khắp không còn cái gì ngoài nó. Cho nên nói: lớn thì nó trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nhỏ thì một mũi kim cũng không qua lọt. Đó là chỉ cái tâm thể không còn đối đãi. Nếu không hiểu thấu điều này thì chúng ta không thấy được cái cao siêu của Đại thừa như thế nào? Thật ra không phải phân chia hay cho rằng Đại thừa có ý khinh miệt Nhị thừa. Nhưng sự thật vì Phật muốn đưa chúng ta đến chỗ cứu cánh viên mãn, chớ không phải chỉ đưa chúng ta đến chỗ tạm giải quyết.

Người tu hành phải đi thẳng tắt là trên hết (đường thẳng tắt là đường chim). Tức là thấy rõ ngay nơi phiền não, là hết phiền não chớ không cần tìm cái gì khác.

Cổ nhân nói, kiếp hỏa từng đem không hơi thổi, chẳng nhọc công lực liền đó chết, đó là ý này vậy. Ý này nói rằng, khi trái đất này đến thời kỳ hoại của kiếp hỏa nổi dậy, khắp quả đất đều cháy ngùn ngụt, lúc đó ai nấy đều tắt thở, không có cái gì lâu dài hay xa xôi hết. Người tu đường tắt cũng vậy, chẳng nhọc công lực liền đó chết. Nghĩa là mình cứ thẳng ngay đó mà thấy thì tự nhiên mọi việc (phiền não) theo đó mà hết. Cũng như quả đất khi kiếp hỏa nổi dậy, không cần phải có ai

giết, có đem hành hình người ta mới chết. Khi không có hơi thở thì ai nấy đều chết ngay lập tức. Bao nhiêu người cùng chết một lượt.

Việc tu cũng vậy, nếu ngay nơi phiền não, biết thể nó là không, không theo nó thì tự nhiên nó hết, không có tổn công, nhọc sức gì hết. Còn không biết như thế ắt phải huấn luyện, luyện tập lâu ngày mới được.

“Có khi ngồi tĩnh tọa tâm niệm chạy lăng xăng, hoặc lúc gặp việc hoàn toàn mất hết, đều bởi chưa được thân chứng. Bởi rơi vào hai, vào ba, đến sanh làm lần lượt mất sạch. Cổ nhân nói: “động tĩnh chẳng hai, chơn vọng chẳng hai.” Ngài Duy Ma nói: “rõ tất cả pháp đều vào môn bất nhị.” Nếu nhận lãnh yếu chỉ này thì muôn cái động tự tịch diệt. Như mắt không đến sắc, sắc không đến mắt, tiếng chẳng đến tai, tai chẳng đến tiếng, mỗi pháp đều như thế. Nguyên là kho công đức của tự tâm, nên không lấy bỏ. Người khế ngộ đến đâu mà chẳng có lợi, đây chính là Na Già Đại Định.

Đây nói rằng, khi ngồi tĩnh tọa, tức ngồi thiền, tâm niệm chạy lăng xăng hoặc lúc gặp việc xúc chạm đến gia cảnh, bản thân, công việc của mình, thì lúc đó cái đạo lý biến mất, vì mắc lo phiền não, buồn giận. Người bị như vậy là bởi tại sao? Tất cả đều bởi chưa được thân chứng. Chưa được thân chứng cho nên mới không trị được cái bệnh đó. Bởi rơi vào hai, vào ba cho nên nó mới vậy. Tại sao? Thí dụ: bây giờ chúng ta bị mất một quyền lợi nào đó, thì ngay đêm đó ngủ không được hoặc ngồi thiền tâm không an ổn. Bởi vì sao? Vì đã rơi vào hai, vào ba, vì thấy cái quyền lợi đó là thật, nên mất cái đó thì mình rối lên. Còn nếu thấy cái đó không thật, thân này không thật, ngay đó sống trở về với đạo, thì đâu có gì làm rối mình. Như vậy từ đây về sau, nếu có cái gì làm mình động tâm, rối loạn lên thì biết ngay mình bị kẹt hai, ba rồi. Đừng kẹt hai, ba thì mọi cái hết rối. Đó là sự một thật.

Bây giờ dẫn lời Cổ nhân nói: động tĩnh chẳng hai, chơn vọng chẳng hai. Khi động và khi yên lặng nó cũng không phải là hai. Vì động mình biết động nguyên thể là không, tức lặng ngay cái vọng. Biết vọng nó không thật thì nó lặng xuống tức là chơn. Như vậy động và lặng đâu có hai? Chơn vọng nào cách biệt?

Ngài dẫn lời trong Kinh Duy Ma Cật nói: rõ tất cả pháp đều vào pháp môn bất nhị.
Tức là pháp nào ở thế gian cũng đều vào cái chỗ không hai hết.



PHẦN 8

Nếu nhận lãnh yếu chỉ này thì muôn cái động tự tịch diệt. Nếu người nào nhận ra cái lý không hai đó, thì cái động nào cũng tự tịch diệt hết. Như mắt không đến sắc, sắc không đến mắt, tiếng chẳng đến tai, tai chẳng đến tiếng. Thí dụ Tôi có con mắt sáng, tất cả đồ đạc, tất cả quý vị ngồi trước tôi, tôi có thấy hay không? Dù tôi không muốn thấy, cũng vẫn thấy. Tai tôi còn thính, không phải hư, không phải điếc, thì những tiếng động chung quanh, dù tôi không muốn nghe nó vẫn đến. Tại sao lại nói mắt không đến với sắc, tiếng không đến với tai? Tuy mắt vẫn thấy sắc mà không có cái niệm phân biệt về sắc thì gọi là không đến. Tai với tiếng vẫn chạm nhau mà không có niệm để phân biệt tiếng thì gọi đó là không đến nhau. Đến mà không duyên, không mắc gọi là không đến. Như vậy cả ngày thấy sắc, nghe tiếng mà tâm không động. Cho nên nói tâm cảnh như như muôn cái động tự tịch diệt.

Nguyên là kho công đức của tự tâm nên không lấy bỏ. Nghĩa là tâm không chạy duyên theo sắc, theo tiếng, thì sắc cũng là kho công đức, tiếng cũng là kho công đức.

Người khế ngộ đến đâu mà chẳng lợi! Đây chính là Na Già đại định (tức là đạo tràng). Khi chúng ta khế ngộ được như vậy rồi, thì ở đâu cũng trong Na Già đại định.

“Người sinh ra đời liền tự nhận, học đạo là đời trước từng gieo trồng căn lành. Bởi có cội gốc liền biết phát tâm, cũng biết khởi nghi, đến nơi mình mà tâm cứu, lại phiền não chướng mông yếu, có nhân duyên, nên người nà dễ được hóa độ.

Nếu người chưa huân tập tâm này thì chánh tín chẳng sanh, dù có nghe cũng chẳng sanh nghi, chỉ như gió thổi qua tai, khuyên dạy lại sanh tâm sân hận phỉ báng, thì có duyên gì mà được hiển bày. Do đó, nên trong ngàn người muôn người chỉ có được một, hai người mà thôi. Nếu người tự hiểu tạo kế sống, thâm thập được đầy đủ thì đời đời từ đây mà đi, lần lượt sáng suốt nhảy bén, lại không thối thất công đức, một đời hơn một đời, vào khuôn vức của chư Phật. Họ cùng sự

tương ứng, dù sanh trên trời, cõi người cũng chỉ như thế, có đối đầu với ngũ dục, bát phong và tất cả cảnh giới đều cùng lý phù hợp. Kẻ ấy chẳng đi trong tam đồ, chỉ một vị bình đẳng chánh tri kiến đâu còn việc gì.

Độc đoạn này chúng ta mới vững niềm tin với sự tu. Người sinh ra đời liền tự nhận học đạo. Nghĩa là mình ra đời chưa có ai khuyên bảo, chưa được ai giáo dục, mà mình tự phát tâm mộ đạo, đi học hỏi, là người đã từng gieo trồng căn lành rồi. Bởi đời trước đã từng gieo trồng căn lành, nên nay ra đời tự nhiên ham mộ đạo! Cái tâm mộ đó là cái căn lành đời trước sẵn có, chứ không phải ngẫu nhiên.

Bởi có cội gốc liền biết phát tâm. Vì có cái gốc, cái mầm sẵn, giờ gặp duyên nó phát ra. Cho nên khi phát tâm đó rồi cũng biết khởi nghi nữa. Thí dụ khi nghe câu nói không hiểu, nên nghi. Do nghi mới tìm cứu (tìm kiếm), nhờ vậy mà phiền não chướng mỏng yếu, khi có nhơn, có duyên, thì người này là người dễ được hóa độ.

Nếu người mà tâm chưa huân tập tâm này. Người mà từ hồi đó đến giờ, chưa có được một ít chủng tử nào thì chánh tín chẳng sanh. Dù người đó có nghe đạo cũng chẳng sanh nghi. Nghĩa là người nói mặc người nói, không nghi ngờ gì hết. Chỉ như gió thổi qua tai, có nghe rồi mất, không nhớ, không nghĩ đến, nếu ai khuyên dạy họ thì họ lại sân hoặc chê bai nữa. Họ bảo: họ không muốn tu mà khuyên cái gì!

Như vậy họ không có duyên đời trước, thì bây giờ khó giáo hóa họ được. Bởi không được giáo hóa, họ không có duyên để hiển bày được cái tâm thể đó.

Do vậy mà nhận được tâm thể, đó thì trong ngàn người, muôn người chỉ được một người, hai người, rất ít ỏi, chứ đây phải ai cũng nhận được, ai cũng có duyên lành như thế! Đó là nói cái cơ duyên, có duyên lành và không duyên lành của người nhận thật ít có. Bây giờ nói người nhận được thì sao?

Nếu người tự hiểu tạo kế sống. Tạo kế sống tức là hiểu được cái tâm thể này, sống tùy duyên cái tâm thể này. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín gọi là: Tùy thuận chân như. Còn Thiên tông như Ngài Nam Tuyên nói rằng: tôi có con trâu, nếu đem dẫn qua khe Đông ăn thì sợ nó phạm cỏ nước của Quốc vương, dẫn qua

khe Tây ăn cỏ sợ phạm cỏ nước Quốc vương, chi bằng mỗi ngày cho một chút ít nó sống thì được. như vậy gọi là biết kế sống để nuôi trâu đó. Con trâu đó là con trâu gì? Con trâu đó là biết sống trở về với tâm thể của mình.

Thâu thập đầy đủ thì đời đời từ đây mà đi. Từ đây là từ đâu? Tức là từ nơi chỗ được thấy đạo đó mà đi, lần lượt được sáng suốt, nhảy bén, nghĩa là lần lượt mỗi đời, mỗi đời đều tiến lên. Lại không thối thất công đức, một đời hơn một đời, vào khuôn vức chư Phật. Nếu người thật tình nhận được, sống được như vậy thì mỗi đời; nếu đời này chưa xong, thì đời sau tiến lên, cứ như vậy cho đến ngày viên mãn, không bị hao, không bị mất. Đó là sự thật.

Họ thường cùng sự tương ưng, dù sanh lên cõi trời, cõi người cũng chỉ như thế. Là gặp việc gì họ cũng sống phù hợp với đạo. Dù ở trong cảnh sang cả, sung sướng như cõi trời hay cực khổ như cõi người, họ cũng đều sống hợp với đạo.

Có đối đầu với ngũ dục, bát phong và tất cả cảnh giới đều cùng lý phù hợp, chỉ một vị bình đẳng chánh tri kiến. Dù gặp những bát phong, ngũ dục, họ cũng đều sống phù hợp với tâm thể đó, không bị trái và cũng không rơi trong tam đồ. Họ hằng sống trong chánh tri kiến bình đẳng.

Cho nên người tu chúng ta phải gan dạ thấy rõ việc đó, tin chắc việc đó, hằng sống trong việc đó, đừng bị những lý luận, những lời xuyên tạc mà lung lay. Như có một số người lý luận nói rằng: Người tu thiên đời này chưa xong, mà chết thì đời sau trở lại mê muội thành phàm tục (rồi dẫn chứng chuyện này, chuyện kia). Còn niệm Phật về Tây phương, rồi cứ đời này, đời sau tu tiến lên. Đó là một lối lý luận để đánh bạt tâm chánh tín của mình. Do đó tôi nói, mà có lắm vị cũng chưa đủ niềm tin. Có nhân thì phải có quả, thật là vô lý khi mình nuôi dưỡng, săn sóc cái nhơn cần mẫn chân chánh, mà mình chưa viên mãn, rồi đời sau mình trở thành phàm tục mê chuyện thế gian!

Cho nên chúng ta phải nhận sâu tin chắc rằng điều đó không bao giờ đúng! Phật nói nhân quả rõ ràng, đó là cái căn bản thấp nhất mà còn không sai, huống là chúng ta đang sống trong trí huệ chân thật mà bất thần chúng ta mất nó, thì chuyện quá vô lý.

Thí dụ: chúng ta học sinh ngữ Pháp, hoặc Anh, rồi bỏ qua 10 năm, 20 năm, không nói, không dùng thì coi như quên là phải. Chứ nếu chúng ta học một môn sinh ngữ rồi năm nào, tháng nào cũng nói, thì càng ngày chúng ta càng giỏi thêm, chứ đâu có lu mờ. Chúng ta bị lu mờ vì bỏ qua 10 năm, 20 năm, nhưng tuy lu mờ, nhưng được nhắc lại cũng còn nhớ.

Như vậy, chúng ta có chủng tử nên chúng ta mới gặp đạo, mà gặp đạo thì chúng ta tu. Thật là vô lý, khi nói tu rồi, đến chết nếu chưa viên mãn thì nó mất luôn. Cho nên, không phải chỉ tôi nói, mà chính chư Tổ cũng nói, rất rõ ràng. Nếu hiện tại mình tu hành, biết tạo kế sống (tức là biết sống với tâm thể), mình thâm nhập được đầy đủ ngay trong đời này, và từ đây về sau, lần lượt càng ngày càng sáng suốt, bén nhạy và công đức mình không bao giờ thối thất. Còn đời này chưa viên mãn thì đời sau sẽ tròn đủ hơn. Nghĩa là đời đời sống trong khuôn vức chư Phật.

Giả sử người đó, không sanh cõi này mà sanh cõi trời thì gặp việc gì họ cũng phù hợp, cũng tương ứng với đạo, chứ không phải đợi gặp thiện tri thức rồi họ mới tương ứng. Điều đó rất rõ ràng. Quý vị thấy hiện tại, có nhiều người ra đời không gặp phật pháp, thế mà họ vẫn nói đúng lý đạo. Như vậy chúng ta còn gì mà nghi ngờ!

Bây giờ đến đoạn kết Ngài có ý khuyên răn chúng ta đây:

Sanh tử không thể chẳng sợ, phải rõ một đoạn tình nguy sanh tử này mới được an lạc không gì hơn. Thân tâm là mối lụy. Thân như gông cùm, phải biết chỗ thân đi đến. Tâm như khí vượn, phải biết chỗ tâm khởi diệt. Hai cái này từ chỗ nào đi đến, khi khởi, thì thân tâm tròn sáng, trong ngoài nhất như. Và lại, tâm là ở trong, thì thân ở ngoài, thân là trong thì vật là ngoài. Quốc Sư bảo: “thân tâm nhất như ngoài thân không thừa.” Thế thì không thấy có sanh tử chống lại ý mình, nên gọi giải thoát đại đạo. Cho nên hay khiến người thấy nghe đâu chẳng được chẳng thoát ý tưởng, đâu chẳng được chẳng dứt vật cảnh, đâu chẳng được chẳng dung thông, lại còn nghi ngờ ư?

Ngài kết thúc để khuyến khích chúng ta trong sự tu hành. Nghĩa là người tu đối với việc sanh tử lúc nào cũng thấy đáng ngại, đáng sợ, vì cuộc sống này quá mỏng manh. Nếu chúng ta không cố gắng thì một đời chưa giải quyết được việc gì. Cho nên "Phải rõ một đoạn tình nguy sanh tử này mới được an lạc không gì hơn". Tình nguy tức là cái tâm hư giả của sanh tử. Thường chúng ta cho sanh tử là sự thật. Nhưng với người thấy đạo sanh tử chỉ là cái giả dối, nó không phải là thật, cũng không phải là hai. Thấy sanh tử không phải là hai rồi, thì tự nhiên thân tâm mình an lạc. Bình thường chúng ta thấy sanh là sống, là còn, tử là mất, là chết. Nhưng tại sao lại nói sanh tử không phải là hai (ai cũng thắc mắc chỗ này). Bây giờ quý vị thấy sanh là gì? Là tứ đại ngũ uẩn hòa hợp. Tử là gì? Là tứ đại ngũ uẩn tan rã. Vậy sanh tử chỉ là sự hợp tan của tứ đại ngũ uẩn. Tôi hỏi quý vị, tứ đại có thật là mình không? Điều này nếu không nhắc thì lâu lâu rồi mình cũng quên lãng. Bây giờ ngay nơi tứ đại này, hỏi có phải thật là mình hay không? Thì đa số nói thật, phải không? Nếu thật là mình thì ngay nơi gió nước, không khí, mà mình hít vô cũng là mình, thở ra cũng là mình. Nhưng hít vô rồi thì nói là hơi thở của mình, khi thở ra khỏi mũi, hơi thở đó loãng đi trong không khí, biết là của ai?

Thí dụ: chúng ta chừng 10 người, ngồi chung với nhau trong một phòng kín bốn thước vuông, khi người kia thở ra, mình cũng có hít vô, đổi qua đổi lại, như vậy hơi thở nào thuộc của ai. Vậy mà mình chấp hít vô là hơi thở của tôi.

Bây giờ đến nước. Nước ở trong mình là nước của mình. Khi nó ra khỏi mình, mình có dùng được nó không? Vậy mà khi còn ở trong thân thì của mình quý như vàng, khi ra khỏi thân thì mình góm, chê, nhờm chán. Như máu khi còn ở trong thân thì quý, là của mình, nhưng lỡ đứt tay, nó chảy ra, mình có dám lấy chung hứng uống cho bổ lại không? Đó là tôi chưa nói đến trường hợp, trước khi nó chưa vô, mình cho nó là cái gì? Nếu nước còn ở ngoài thì nước đâu phải là của tôi, khi uống vô rồi thì nói nước của tôi, thật là vô lý. Lúc này không phải của mình, bây giờ tại sao nói là của mình.

Bây giờ tôi thí dụ: như cái nhà ngoài chợ chẳng hạn. Cái chợ có nhìn nhận những người đi vô, đi ra là của nó hay không? Những người đó đâu phải của nó,

mà cái sườn, cái cột. v.v... mới là của nó. Vì người vô rồi ra, làm sao bảo là của nó? Mất rồi thì thôi đâu phải của nó. Mình đây cũng vậy, tứ đại vô ra ngoài, rồi chấp ngang là của mình, chấp nhận mình rồi, sau cho là thật luôn. Nó hợp nơi đây thì mình còn, nó tan thì nói mình mất. Thật sự tứ đại có mất hay không? Khi chưa hợp tứ đại cũng là tứ đại. Khi tan ra tứ đại cũng là tứ đại, nào có mất. Tứ đại không mất thì tại sao mình nói nó không còn? Tứ đại không mất thì chính cái tâm thể mình có mất đâu?

Vậy mà mình lại cứ cho chết là mất, sống là còn. Như vậy thấy rõ tứ đại, sống chết là cái tính chất hư ngụy của mình. nếu biết sống chết chỉ là sự hợp tan của tứ đại, chứ đâu có liên hệ đến mình thì mình có sợ không (nếu sợ là si)? Do đó chúng ta mới thấy an lạc, giải quyết được cái đau khổ ngay trong cuộc đời này, trong cõi nhân gian này, mà trong Kinh gọi là: Trong nhà lửa (tam giới vô an du như hỏa trạch). Nên thân tâm là mối lụy, thân này và những cái vọng tưởng là mối lụy làm cho mình phải mệt.

Thân như gông cùm, phải biết chỗ đi đến, tâm như khi vượn, phải biết chỗ tâm khởi diệt. Chắc là không ai tin thân này như gông cùm vì thấy mình khỏe quá, mình sung sướng quá. Nhưng nếu có khi nào, có những giây phút mà quý vị sống được với tâm thể rõ ràng, mà bây giờ nó bị kẹt trong chỗ này (tứ đại), lúc ấy mình mới thấy nó là gông cùm.

Thí dụ: như những lúc nhức răng hay đau đầu, chúng ta thấy tâm mình nó không nhức răng, nó không đau đầu, mà giờ mang thân này rồi, phải chịu nhức, phải chịu đau! Và nếu ngay đây nó rã ra, thì mình tràn trề sung sướng. Chính lúc đó mình mới thấy thân này là gông cùm. Quý vị nghĩ gông cùm bỏ ra được thì ai buồn? Còn nếu thấy nó là nguồn hạnh phúc, khi bỏ nó, quả thật là đau!

Cho nên Tử như cởi áo hạ đang nực quá, cởi áo thì mát rượi, khỏe khoắn biết bao! Bởi vì mình thấy rõ ràng, quyển Kinh bằng tam thiên đại thiên thể giới mà đem nhét vào hạt bụi này, rồi phải chịu khổ với hạt bụi. Giờ đây hạt bụi nó rã ra thì nó tràn đầy cả tam thiên đại thiên thể giới. Vậy có sướng hay không? Nếu ai

thấy vậy thì chết là trò chơi, gõ nhịp mà hát, không có gì than phiền hết. Còn nếu không thấy như vậy, nghe nói đến chết thì buồn rầu, khổ sở.

Vậy nên cuối cùng tất cả cái sợ là chết, mà nếu không còn sợ chết, thì tất cả thế gian này có gì đáng sợ? Đó là chuyện thật.

Cho nên mình biết thân tâm này là mối lụy, thân này như gông cùm, mà biết thân như gông cùm ắt phải biết chỗ đi, chỗ đến của nó. Vậy đi đến cái gì? Là khi sanh thì biết tứ đại ngũ uẩn duyên hợp, duyên tứ đại ngũ uẩn rã là tử. Biết rõ như vậy tức là biết được thân. Giờ đến tâm, phải biết chỗ khởi diệt của tâm, tức là phải thấy rõ những vọng tưởng này như con vượn, con khỉ, chọt khởi, chọt diệt, nó vốn không thật, thì nó lặng yên. Như vậy, khi biết rõ vọng tưởng không thật, biết rõ thân sinh diệt không còn nghi, không còn kẹt thì "Thân tâm tròn sáng nhất như", không còn gì bận rộn nữa.

"Và lại, tâm là ở trong thì thân là ở ngoài, thân là trong thì vật là ngoài." Ở đây Ngài bảo, nếu trái lại chúng ta cho tâm là ở trong và thân là ở ngoài hoặc cho thân là ở trong mà vật là ở ngoài, thì như vậy có hai lớp trong ngoài đối đãi nhau. Tâm ở trong mà thân ở ngoài.

Thí dụ: như bỏ hòn sỏi tro cái lu, thì hòn sỏi ở phía trong mà cái lu ở phía ngoài, thì hòn sỏi và cái lu đối đãi trong ngoài, hai cái khác nhau nên cũng là bệnh. Thấy ngoài thân lại có vật, nghĩa là khi thấy vật, chúng ta khởi phân biệt, dấy niệm nên đã sai. Đây Ngài dẫn lời Quốc Sư "Thân tâm nhất như ngoài thân không thừa". Chúng ta thường hiểu lầm câu "Thân tâm nhất như" tưởng đâu khi ngồi thiền phải để thân tâm thành một khối, mà chữ nhất ở đây để chỉ cho khi vọng niệm khởi lên biết không thật thì nó tự tan, tự lặng lẽ.

"Ngoài thân không thừa". Tất cả sự vật hiện hữu, nhưng chúng ta không phân biệt nên tâm nhất như.

Như trong Tín Tâm Minh:

“Nhãn nhược bất thù

Chư mộng tự trừ

Tâm nhược bất dị

Vạn pháp nhất như”.

“Nhãn nhược bất thù, chư mộng tự trừ.” Con mắt nếu không ngủ thì các mộng tự dứt. “Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như.” Tâm mình nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như. Thật rõ ràng.

”Thế thì không thấy có sanh tử chống lại ý mình, nên gọi giải thoát đại đạo.”
Sanh tử chỉ là cái giả dối, tan hợp của tứ đại, nên người thấy đạo không thấy có sanh tử. Không thích sanh tử, cũng không sợ sanh tử, do đó sanh tử đâu chống lại ý mình. cho nên hay khiến người thấy nghe không khởi niệm, thì thoát ý tưởng, thấy vật, cảnh không dấy niệm thì vật, cảnh nhất như. Đâu chẳng được dung thông lại còn có gì nghi ngờ ư?



MỤC LỤC

Phần 1.	Phần 2.	Phần 3.	Phần 4.
Phần 5.	Phần 6.	Phần 7.	Phần 8.

